UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0305168938, đăng ký lần đầu ngày 27/8/2007, đăng ký thay đổi lần hai ngày 10/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số . ... ./UBCK-GCN do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày . . . tháng. . . năm . . .)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT (AVS)

AU VIET SECURITIES

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1. **Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái**
   Địa chỉ : Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, TPHCM
   Điện thoại : (08) 374 23499 Fax: (08) 374 23500

2. **Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt**
   Địa chỉ : Tầng 3 Tòa nhà Savimex, 194 Nguyễn Công Trứ, Q.1, Tp.HCM.
   Điện thoại : (08) 3821 6789 Fax: (08) 3821 3399
   Website : www.avsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Ngô Phạm Viết Tuấn
Chức vụ : Phó Giám đốc
Điện thoại : (08) 374.23502 – 0917.295.317

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305168938 Đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2007, số ĐKKD 4103007643, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 10 tháng 3 năm 2011)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 VNĐ
Tổng số lượng phát hành:	9.002.653 cổ phần
Tổng giá trị chào bán:	90.026.530.000 đồng mệnh giá, trong đó
1. Chào bán cho cổ đông hiện hữu:	**7.498.674 cổ phần**
Tỷ lệ phát hành:	Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông, mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần được 01 quyền mua, cứ 2 quyền mua thì sẽ được mua thêm 1 cổ phần phát hành mới với giá 11.500 đồng/cổ phần.
2. Chào bán cho cổ đông chiến lược:	**1.050.000 cổ phần**
Giá phát hành:	13.000 đồng/cổ phần
Đối tượng chào bán:	Các nhà đầu tư chiến lược theo tiêu chí lựa chọn của HĐQT

3. Chào bán cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, người lao động công ty (gọi chung là Cán bộ công nhân viên Công ty)

Số lượng chào bán:	453.979 cổ phần
Giá phát hành:	13.000 đồng/cổ phần

1. Tổ chức tư vấn	
AU VIET SECURITIES	**Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt** Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Savimex, 194 Nguyễn Công Trứ P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM. Điện thoại: (84.8) 3821 6789 Fax: (84.8) 3821 3399 Website: www.avsc.com.vn
2. Tổ chức kiểm toán	
A&C	**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)** Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh Điện thoại: (08) 3827 2295 Fax: (08) 3827 2300 Website: www.auditconsult.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 1
1. Rủi ro về kinh tế 1
2. Rủi ro về luật pháp 1
3. Rủi ro đặc thù 2
4. Rủi ro của đợt chào bán, dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán 3
5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu 5
6. Rủi ro khác 6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 7
1.Tổ chức phát hành 7
2. Tổ chức tư vấn 7
III. CÁC KHÁI NIỆM 7
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 9
1.1 Lịch sử hình thành 9
1.2 Giới thiệu về Công ty 9
2. Cơ cấu tổ chức Công ty 10
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 12
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ 15
4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% 15
4.2 Danh sách cổ đông sáng lập 15
4.3 Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/5/2011 : 16
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành. 16
6. Hoạt động kinh doanh 17
6.1 Các hoạt động chính của Công ty 17
6.1.1 Hoạt động cung ứng dịch vụ cảng biển 17
6.1.2 Hoạt động dịch vụ xếp dỡ 17
6.2 Nguyên vật liệu 18
6.2.1 Nguồn nguyên vật liệu 18

6.2.2 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận 18
6.3 Chi phí sản xuất 19
6.4 Trình độ công nghệ 19
6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới 20
6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ 20
6.6.1 Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng 20
6.6.2 Chính sách chất lượng 20
6.6.3 Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty 20
6.7 Hoạt động Marketing 21
6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền 21
6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết 21
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất 22
7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh 22
7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo 28
7.2.1 Những nhân tố thuận lợi 28
7.2.2 Những nhân tố khó khăn 28
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 28
8.1 Vị thế của Công ty trong ngành 28
8.2 Triển vọng phát triển của ngành 29
8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới 30
9. Chính sách đối với người lao động 30
9.1 Số lượng lao động trong Công ty 30
9.2 Chính sách đối với người lao động 30
10. Chính sách cổ tức 32
11. Tình hình tài chính 32
11.1 Các chỉ tiêu cơ bản 32
11.1.1 Tài sản cố định hữu hình 32
11.1.2 Tài sản cố định vô hình 33
11.1.3 Thanh toán các khoản vay và nợ đến hạn 34

11.1.4 Các khoản thuế phải nộp theo luật định 34
11.1.5 Trích lập các quỹ theo qui định 35
11.1.6 Tổng dư nợ vay 36
11.1.7 Tình hình công nợ hiện nay 37
11.1.8 Tình hình hàng tồn kho 38
11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 38
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng 41
13. Tài sản 51
13.1 Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật 51
13.2 Hệ thống máy móc thiết bị 52
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 53
14.1 Định hướng phát triển 55
14.2 Các giải pháp thực hiện 55
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 57
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành 57
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán 57
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN 58
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 66
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 69
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 71
IX. PHỤ LỤC 72

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Trong bất cứ một quốc gia đã hoặc đang phát triển nào, vận chuyển, lưu thông hàng hóa là huyết mạch của nền kinh tế, là cầu nối giao thương giữa các khu vực trong nước hay giữa khu vực trong nước và quốc tế. Một sự thay đổi nhỏ về sức khỏe nền kinh tế Việt Nam và thế giới sẽ tác động lớn tới nhu cầu thông thương hàng hoá, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics, kho bãi, xếp dỡ, vận chuyển, giao nhận hàng hoá, trong đó có Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.

Nền kinh tế Việt Nam đã chịu ảnh hưởng rõ nét và toàn diện kể từ khi tham gia sâu vào sân chơi kinh tế quốc tế, đặc biệt sau khi gia nhập WTO. Nguy cơ suy thoái kép của nền kinh tế thế giới bắt nguồn từ cuộc khủng hoảng tài chính diễn ra từ cuối năm 2007 đã làm cho hoạt động vận chuyển hàng hoá trên thế giới rơi vào tình trạng ảm đạm do nhu cầu thấp, Việt Nam cũng không là ngoại lệ, dẫn tới các doanh nghiệp trong ngành chịu ảnh hưởng xấu. Chỉ số BDI, chỉ số đo sức khỏe của hoạt động thương mại toàn cầu, đã liên tục sụt giảm trong thời gian gần đây, cho thấy nền kinh tế thế giới vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi bóng ma của cuộc khủng hoảng tài chính.

Việt Nam trong nhiều năm với vị thế của nền kinh tế "mới nổi" đang là một tâm điểm thu hút đầu tư của châu Á với mức đầu tư trực tiếp nước ngoài cao. Tuy nhiên hai năm gần đây do những khó khăn kinh tế tại nước sở tại nguồn vốn này vơi dần và đích đến không nhằm vào các lĩnh vực sản xuất sử dụng nhiều lao động mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho Việt Nam như trước đây, điều này cũng góp phần làm giảm lưu lượng hàng hoá xuất nhập khẩu thông qua cảng biển.

Thêm vào đó với đặc trưng của một nước đang phát triển đang dần hội nhập sâu vào nền kinh tế thị trường, Việt Nam còn phải đối mặt với nhiều thách thức trong thực thi các chính sách tài chính - tiền tệ, điều tiết tỷ giá, giá cả mặt hàng thiết yếu như xăng dầu,…những yếu tố tác động không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp như Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.

2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới, hệ thống văn bản pháp quy chưa hoàn thiện, chưa đồng bộ và hòa nhập với hệ thống luật, cũng như thông lệ quốc tế.

Khi có những thay đổi trong chính sách quản lý về vĩ mô của Chính phủ bao gồm chậm trễ trong việc thực hiện cắt giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình gia nhập WTO, chậm trễ trong việc triển khai dự án cầu cảng, những thay đổi về chính sách xuất nhập khẩu... đều có những tác động bất lợi đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tham gia hoạt động kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics, xếp dỡ vận chuyển và làm thủ tục giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu, Công ty không chỉ phải luôn bám sát các văn bản pháp luật của nhà nước về lĩnh vực hàng hải, hải quan, điều hành vận tải đường bộ, đường thủy nội địa..., mà còn phải tuân thủ các Điều ước quốc tế, các thỏa ước của Hiệp hội vận chuyển, giao nhận hàng hóa quốc tế như FIATA,... để có thể điều chỉnh công tác nghiệp vụ sao cho phù hợp và hiệu quả. Vì vậy đây cũng là một trong những rủi ro tiềm tàng đối với hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.

3. Rủi ro đặc thù

Doanh thu của hoạt động kinh doanh giao nhận, vận tải hàng hoá chịu tác động chi phối bởi sản lượng hàng hoá và giá cước dịch vụ, do đó hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ tác động lớn tới hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái. Trong bối cảnh, kinh tế toàn cầu vẫn chưa chính thức bước ra khỏi khủng hoảng, bên cạnh đó là những nguy cơ từ cuộc khủng hoảng nợ công Châu Âu, các cuộc nội chiến ở Ai Cập, Tuynidi, Libya....đã cản đà hồi phục của kinh tế các nước, dẫn tới nhu cầu lưu thông hàng hóa giữa các nước giảm, từ đó tác động tiêu cực tới doanh thu của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái. Tuy nhiên, khi nền kinh tế thế giới và Việt Nam phục hồi thì cơ hội tăng trưởng doanh thu của Công ty cũng hết sức hấp dẫn.

Chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là các chi phí đầu tư hạ tầng cơ sở, trang thiết bị xếp dỡ - vận chuyển như hệ thống kho bãi, cẩu bờ, xe nâng, xe đầu kéo, sà lan... và giá vật tư, nhiên liệu. Việc quản lý các chi phí như đầu tư hạ tầng cơ sở phụ thuộc lớn vào tình hình tài chính nên nằm trong tầm khả năng kiểm soát của Công ty, tuy nhiên việc quản lý các chi phí khác như giá vật tư, nhiên liệu (giá xăng, dầu...) là một thách thức khi những chi phí này phụ thuộc rất lớn vào tình hình thế giới.

Ngoài ra, yếu tố con người cũng là một trong những yếu tố tác động lớn tới hoạt động của các công ty trong ngành nói chung và Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái nói riêng. Cho tới nay logistics vẫn là một khái niệm khá mới mẻ tại Việt Nam, chưa có nhiều trường lớp, tổ chức đào tạo cơ bản và đòi hỏi lao động tác nghiệp phải thông thạo ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Anh).

Một vấn đề lớn khác các công ty trong ngành gặp phải đó là khách hàng của công ty thường tập trung vào một số đầu mối như sales, bộ phận kinh doanh,...nên khi các nhân viên này nghỉ việc công ty sẽ gặp khó khăn trong việc xây dựng lại quan hệ với khách hàng.

Ngoài ra, khi gia nhập WTO, Công ty sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt với các công ty kinh doanh dịch vụ logistic tầm cỡ thế giới, nhiều tập đoàn có bề dày hoạt động trên 100 năm, sẽ sớm được cấp phép và kinh doanh tại Việt Nam. Theo lộ trình là năm 2012 Việt Nam sẽ mở cửa cho lĩnh vực logistics, tuy nhiên các công ty này thực chất đã có mặt tại Việt Nam từ đầu thập niên 1990 trên danh nghĩa nhờ một công ty Việt Nam làm đại lý nhưng mọi hoạt động đều do phía nước ngoài quản lý. Các hợp đồng vận chuyển hoặc cung cấp dịch vụ chuỗi cung ứng tại Việt Nam của các công ty lớn như Nike, Adidas, Nortel, Carrefour… thường về tay các công ty logistics toàn cầu như Kuehne Nagel, Schenker, Panalpina, DHL… Các công ty Việt Nam khó chen chân phần vì chưa có tên tuổi trên thị trường logistics quốc tế, phần vì các cuộc đấu thầu hàng năm của các tập đoàn lớn thường diễn ra ở nước ngoài.

Các công ty Việt Nam chỉ có lợi thế sân nhà dựa trên hệ thống cơ sở hạ tầng được phát triển trong nhiều năm, tuy nhiên sẽ phải rất lo lắng về chất lượng dịch vụ, loại hình dịch vụ, giá cả và các chiến lược marketing... của các công ty đa quốc gia đầy kinh nghiệm. Để nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ cần tăng cường đầu tư thêm cả về con người lẫn cơ sở vật chất, kho bãi, hệ thống trang thiết bị, phương tiện... Như vậy, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ phải chịu áp lực rất lớn nếu không làm tốt được các vấn đề trên để khẳng định vị thế của mình trên thương trường quốc tế.

4. Rủi ro của đợt chào bán, dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Trong đợt phát hành này, Công ty thực hiện phát hành cho đối tượng là các cổ đông hiện hữu của Công ty; thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người lao động công ty (gọi chung là cán bộ công nhân viên Công ty) và các đối tác chiến lược theo tiêu chí do Hội đồng Quản trị lựa chọn (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông). Trong bối cảnh hiện nay nền kinh tế Việt Nam đang phải đối mặt với vấn đề lạm phát cao, Chính Phủ buộc phải sử dụng chính sách tiền tệ và tài khóa thắt chặt. Những chính sách này trong ngắn hạn sẽ phần nào tác động tiêu cực tới Thị trường chứng khoán Việt Nam, làm cho thị trường có đợt sụt giảm mạnh trong một thời gian dài. Tuy nhiên, trong trung và dài hạn, những tác động của các chính sách này sẽ giúp nền kinh tế chuyển biến theo hướng tích cực với việc kiểm soát được lạm phát và ổn định vấn đề tỷ giá.

Bên cạnh đó tình hình kinh tế thế giới cũng đang có những tín hiệu lạc quan về sự hồi phục, bất chấp những bất ổn chính trị của một số khu vực trên thế giới. Hậu quả của thảm họa động đất và sóng thần tại Nhật Bản có thể sẽ làm chậm quá trình hồi phục này, tuy nhiên từ trong quá khứ, Nhật Bản đã có lịch sử vươn lên sau thảm họa. Do vậy, những khó khăn trước mắt của nền kinh tế Nhật Bản sẽ không thể cản xu hướng hồi phục của toàn cầu.

Theo dự đoán của các chuyên gia tài chính, Thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ có dấu hiệu khởi sắc hơn từ cuối quý 2/2011, khi những vấn đề vĩ mô như lạm phát, tỷ giá được khắc phục dần dần. Chỉ số CPI tháng 4/2011 tăng 3,32% so với tháng trước đó, được coi là đỉnh của lạm phát tính theo tháng trong năm nay, xu hướng sẽ giảm dần từ các tháng sau, sẽ là động lực cho việc hạ lãi suất huy động và vay vốn tại ngân hàng (CPI tháng 5/2011 tăng 2,21% so với tháng 4/2011). Với những tín hiệu này, chúng tôi cho rằng khả năng thành công của đợt phát hành vào Quý 3/2011 của Công ty là khá cao. Trong trường hợp số lượng cổ phiếu thực tế bán được thấp hơn khối lượng dự kiến chào bán trong thời hạn được cấp phép chào bán thì được coi là đợt chào bán không thành công. Đợt phát hành này Công ty không sử dụng dịch vụ bảo lãnh phát hành nên rủi ro từ đợt chào bán là có thể xảy ra. Nếu đợt chào bán không như mong đợi và số tiền thu được từ đợt phát hành này không đủ như dự kiến Công ty sẽ xem xét bán cho một số đối tượng khác với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu hoặc Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn còn thiếu bằng nguồn vốn khác là vay ngân hàng khi lãi suất hạ xuống, để đảm bảo đáp ứng đủ nguồn vốn cho hoạt động đầu tư.

Việt Nam là một nước đang phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng cao và ổn định so với các nước trong khu vực. Hoạt động giao thương quốc tế, xuất nhập khẩu sẽ tiếp tục nhộn nhịp trong thời gian tới. Nhu cầu về dịch vụ cảng biển, dịch vụ xếp dỡ container tại bến sà lan, dịch vụ xếp dỡ tại bãi container... sẽ tăng cao. Nắm bắt được nhu cầu này, Công ty đã huy động vốn để đầu tư 01 cẩu bờ container dạng khung chạy trên ray, đồng thời tái cơ cấu tài chính của Công ty theo hướng nâng cao nguồn vốn chủ sở hữu, giảm dần tỷ lệ vay nợ nhằm đạt được tỷ suất lợi nhuận cao nhất. Tuy nhiên, việc sử dụng tiền từ đợt phát hành để đầu tư vào dự án mới cũng có thể có những rủi ro xảy ra nếu như thời gian thi công dự án bị kéo dài, việc vận hành, khai thác đưa vào hoạt động không hiệu quả sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị của cổ phiếu Công ty cũng như các lợi ích của cổ đông.

5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Giá giao dịch cổ phiếu trên thị trường OTC của Công ty sau khi phát hành có thể sẽ bị pha loãng theo tỷ lệ phát hành. Cụ thể, theo công thức sau

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{PR(t-1) + l*PR}{1 + l}$$

(Nguồn: website UBCKNN)

Trong đó:

PR(t-1) là giá giao dịch cổ phiếu Cảng Cát Lái ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền.

PR là giá cổ phiếu sẽ bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt phát hành thêm.

l là tỷ lệ vốn tăng.

Cụ thể:

Giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ được định giá theo phương pháp FCFE như sau:

Chi phí sử dụng vốn:

Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu – CAPM	**19,25%**
Beta	1,00
Lãi suất phi rủi ro	11,00%
Phần bù rủi ro	8,25%

Tính toán cho giai đoạn tăng trưởng đều	
Tỷ lệ tái đầu tư vốn chủ sở hữu	16%
Tốc độ tăng trưởng kỳ vọng	3%
Suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu	19%
Thu nhập ròng	93.261.999.634
Tái đầu tư vốn sở hữu	14.534.337.605
FCFE	78.727.662.029
Giá trị kết thúc	484.477.920.179
Giá trị hiện tại	200.900.977.819

Định giá cổ phiếu

Chỉ tiêu (VNĐ)	**2011**	**2012**	**2013**	**2014**	**2015**
Tốc độ tăng trưởng kỳ vọng (%)	15,6%	24,0%	17,5%	5,8%	12,4%
Thu nhập ròng	52.249.204.000	64.810.454.830	76.120.564.758	80.532.015.254	90.545.630.713

Giá trị tái đầu tư	31.895.846.908	39.563.939.487	46.468.265.432	49.161.262.433	55.274.135.381
FCFE	20.353.357.092	25.246.515.343	29.652.299.326	31.370.752.821	35.271.495.332
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	35.735.317.318				
Tổng giá trị vốn chủ sở hữu	319.082.392.451				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.997.347				
Giá trị/cổ phiếu	**21.276 đồng**				

Sau khi sử dụng phương pháp định giá FCFE ta được: Giá trị mỗi cổ phiếu của Cảng Cát Lái là 21.276 đồng.

Áp dụng phương pháp tính pha loãng trên, ta được:

Chỉ tiêu phát hành	**Số lượng phát hành (CP)**	**Giá phát hành (VNĐ)**	**Tỷ lệ phát hành**
Cổ đông hiện hữu	7.498.674	11.500	0,50
CBCNV	453.979	13.000	0,03
Cđ chiến lược	1.050.000	13.000	0,07
Tổng CP phát hành	**9.002.653**		
Tổng CP sau phát hành	**24.000.000**		
Tỷ lệ phát hành tăng	0,6		
Trong đó	Tỷ lệ phát hành giá 11.500		0,5
	Tỷ lệ phát hành giá 13.000		0,1
Giá thị trường trước ngày chốt thực hiện quyền (dự tính)			21.276

$$\textbf{Giá thị trường điều chỉnh} = \frac{\textbf{PR (t-l) + l*PR}}{\textbf{1+l}} = \textbf{17.703 đồng}$$

Như vậy, giá giao dịch trên thị trường OTC sau khi phát hành có thể bị điều chỉnh về mức 17.700 đồng/cổ phiếu.

6. Rủi ro khác

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu chưa hoàn toàn thoát khỏi suy thoái, hoạt động xuất nhập khẩu suy giảm sẽ tác động trực tiếp tới doanh thu hàng năm của Công ty. Bên cạnh đó, những hạn chế của cơ sở hạ tầng Việt Nam như đường xá chật hẹp, quy hoạch và chất lượng chưa đồng bộ, nhiều chỗ chưa đảm bảo về mặt kỹ thuật, các nạn ùn tắc giao thông ở các thành phố lớn thường xuyên xảy ra đã làm giảm năng suất chuyên chở và tăng chi phí vận chuyển hàng hoá. Về vận chuyển đường thủy, hiện tại, chỉ có khoảng 20 cảng biển có thể tham gia việc vận tải hàng hoá quốc tế nhưng khả năng thì chỉ có thể đón nhận các tàu tải trọng nhỏ.

Công ty có thể chịu những rủi ro khác thuộc các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế như lạm phát, thay đổi lãi suất, điều chỉnh tỷ giá.... và một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng

xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến Công ty như các hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo...

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1.Tổ chức phát hành

Ông : Lê Tấn Hùng Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông : Nguyễn Văn Quân Chức vụ: Giám đốc

Ông : Ngô Phạm Viết Tuấn Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà : Vũ Thị Lan Anh Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Đức Vịnh

Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- "Tổ chức phát hành": Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.
- "Tổ chức tư vấn phát hành": Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt.
- "Công ty": Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
- "Công ty kiểm toán": Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C.
- "Bản cáo bạch": Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra quyết định đầu tư.
- "Điều lệ": Điều lệ của Công ty đã được Đại hội Cổ đông của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái thông qua.

- "Vốn điều lệ": Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi nhận vào điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.
- "Cổ phần": Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- "Cổ phiếu": Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.
- Người có liên quan: Cá nhân hay tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
  - Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân.
  - Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, giám đốc, chủ sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết.
  - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó.
  - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát.
  - Công ty mẹ, Công ty con.
  - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
  - Ngoài ra, những thuật ngữ khác sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Chứng khoán ngày 29/06/2006 của Quốc hội, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- AVS Tên viết tắt Công ty Cổ phần chứng khoán Âu Việt
- ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT Hội đồng quản trị
- CBCNV Cán bộ công nhân viên
- BKS Ban kiểm soát
- UBCKNN Uỷ ban Chứng Khoán Nhà nước
- SGDCK Sở Giao dịch Chứng khoán
- BHXH Bảo hiểm xã hội
- CNĐKKD Chứng nhận đăng ký kinh doanh

- BCTC Báo cáo tài chính

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Lịch sử hình thành

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái được thành lập trên cơ sở hợp tác giữa Công ty Đầu tư và Xây dựng Thanh niên xung phong (CINCO), nay là Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích TNXP và Công ty Tân Cảng Sài Gòn (nay là Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn).

Ngày 27/08/2007 Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007643 để đầu tư xây dựng phát triển khu đất 6,2 ha và mặt nước tiếp giáp khu đất mà Công ty Liên doanh Vitaico đã di dời thành cảng liên hoàn với khu cảng container hiện hữu Tân Cảng Cát Lái của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn kết hợp kinh tế và phục vụ an ninh - quốc phòng theo đúng định hướng quy hoạch cảng của Chính phủ và thành phố Hồ Chí Minh.

Giai đoạn tháng 09/2007 đến hết tháng 12/2008 Công ty đã tiến hành các thủ tục đầu tư xây dựng từ khu đất, cầu cảng chuyên dùng của Công ty Vitaico cũ, thành Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái với quy mô 216 mét cầu cảng container chuyên dụng có khả năng tiếp nhận tàu 3 vạn tấn sức chở 2.500 teu có thể cập cảng và 6,2 ha bãi hàng container cùng với các thiết bị xếp dỡ phục vụ cho hoạt động khai thác cảng biển bao gồm: cẩu khung Mijack, cẩu bờ K.E. Ngày 07/01/2009 Cục Hàng hải Việt Nam đã cấp giấy phép chính thức đưa cầu cảng vào hoạt động. Sau hơn hai năm đưa vào hoạt động cầu tàu số 7, Công ty đã khai thác 100% công suất thiết kế với tổng lượng hàng container bình quân thông qua cảng 400.000 teu/năm.

1.2 Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty:	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
Tên Tiếng Anh:	Cat Lai Port Joint Stock Company
Tên viết tắt:	Cat Lai Port JSC
Địa chỉ:	Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, TPHCM
Điện thoại:	08.374.23499 - 08.374.23501 Fax : 08.374.23500
Vốn điều lệ :	149.973.470.000 VNĐ (Một trăm bốn mươi chín tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305168938 đăng ký

thay đổi lần hai ngày 10/03/2011 tại Sở Kế hoạch – Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ lai dắt tàu biển. Dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng. Dịch vụ vệ sinh tàu biển. Dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển. Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế. Sửa chữa, đóng mới container, moóc kéo chuyên dùng (không gia công cơ khí, xi mạ điện tại trụ sở). Mua bán, cho thuê tàu, container và các thiết bị vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ logistics. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ôtô, đường thủy nội địa, xe siêu trường, siêu trọng. Sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, thiết bị xếp dỡ (không gia công cơ khí, xi mạ điện tại trụ sở)

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội cổ đông của Công ty được tổ chức mỗi năm họp một lần trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo Khoản 1 Điều 13 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Riêng Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 xét thấy công tác chuẩn bị Đại hội cổ đông chưa hoàn tất, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trình Đại hội thông quan cần có sự điều chỉnh do có sự biến động lớn của nên kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ của ba tháng đầu năm 2011, nên Công ty đã có công văn số 20/ CV-CCL ngày 22/4/2011 gửi UBCKNN và Sở kế hoạch đầu tư TP Hồ Chí Minh xin phép gia hạn thời gian họp Đại hội cổ đông đến cuối tháng 6/2011. Sở kế hoạch đầu tư TP Hồ Chí Minh đã có công văn số 01835/ĐKKD-TH ngày 11/5/2011ghi nhận và lưu văn bản đề nghị gia hạn thời của Công ty.

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý công ty, thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Điều lệ công ty, Đại hội đồng cổ đông và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát nhiệm vụ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc.

Ban giám đốc: do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Các đơn vị phòng ban trực thuộc:

- Ban hành chính nhân sự
- Ban tài chính kế toán
- Ban kỹ thuật xây dựng
- Bộ phận sản xuất cơ giới trực thuộc Ban kỹ thuật xây dựng.

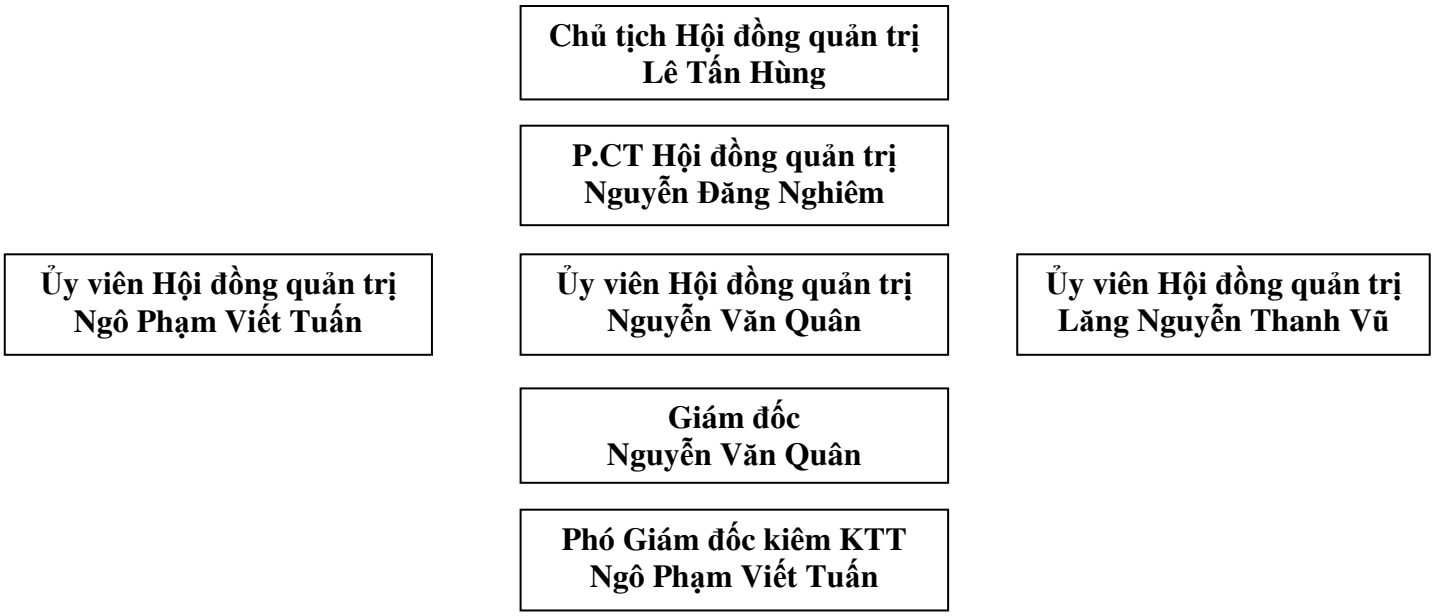

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

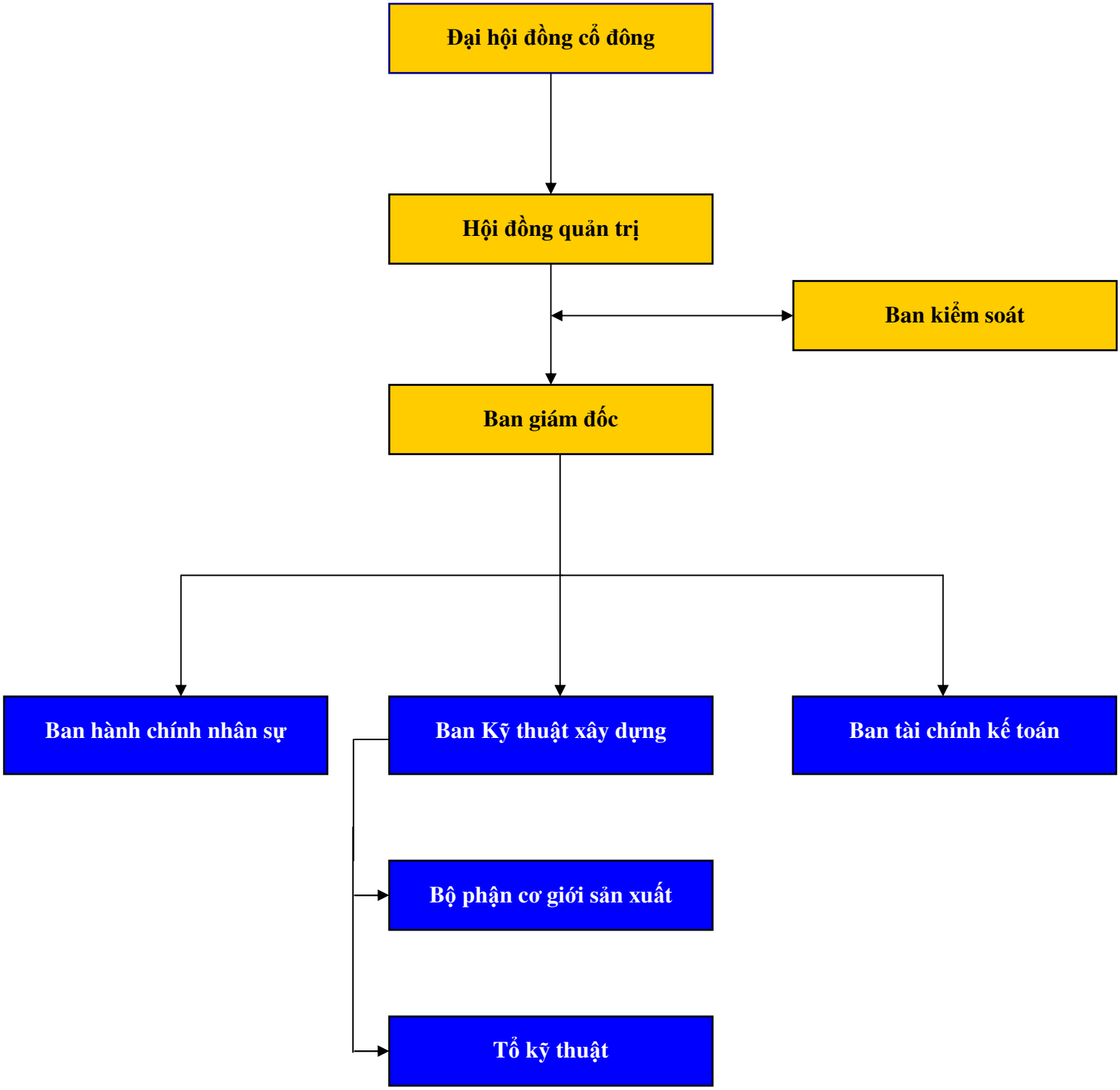

Diễn giải:

Đại hội đồng cổ đông

Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường, mỗi năm họp ít nhất 1 lần để thông qua các quyết định của Đại hội cổ đông hoặc có thể thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông hình thức lấy ý kiến bằng văn bản xét thấy có lợi ích cần thiết cho Công ty.

Đại hội cổ đông quyết định cơ cấu tổ chức hoặc giải thể, phá sản công ty, quyết định các kế hoạch đầu tư dài hạn và chiến lược phát triển, cơ cấu vốn, bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị bao gồm có 5 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm trong đó có 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 3 Ủy Viên.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty. Ban kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ công ty, các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

Ban kiểm soát bao gồm có 3 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm trong đó 01 Trưởng ban, 02 ủy viên.

Ban giám đốc

Ban giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty những chiến lược và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

Hiện Ban giám đốc bao gồm 2 thành viên: 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

Giám đốc thực hiện các kế hoạch, các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua. Giám đốc chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội

cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc là người đại diện trước pháp luật.

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về sự phân công trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn; chủ động giải quyết các công việc được Giám đốc ủy quyền và phân công theo quy định của Điều lệ công ty, Quy chế quản lý nội bộ.

Ban hành chính nhân sự

Ban hành chính nhân sự tham mưu Ban giám đốc những chủ trương, biện pháp thực hiện trong các công tác tổ chức nhân sự, các chế độ chính sách lao động, tiền lương cho người lao động, công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ, công tác văn thư - hành chính văn phòng, quản lý cổ đông, tư vấn pháp lý đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; dự báo các chính sách pháp luật có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các công việc, nhiệm vụ khác được Giám đốc giao.

Ban tài chính kế toán

Ban tài chính kế toán tham mưu Ban giám đốc về toàn bộ tình hình hoạt động tài chính của Công ty, những biện pháp quản lý tài sản và nguồn vốn của Công ty, quản lý giám sát chặt chẽ có hiệu quả mọi hoạt động tài chính 1 cách khách quan, trung thực, đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch đáp ứng yêu cầu tổ chức, quản lý điều hành của Công ty và lập kế hoạch tài chính hàng năm trình Giám đốc thông qua; đồng thời tham mưu cho Giám đốc về việc kiểm soát hiệu quả các hoạt động kế toán tài chính đáp ứng kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban kỹ thuật xây dựng

Ban kỹ thuật xây dựng tham mưu Ban giám đốc trong việc tổ chức, kiểm tra, giám sát về chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ đối với các đơn vị thi công liên quan đến lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty; tham mưu công tác kỹ thuật, vật tư, trang thiết bị và công tác huấn luyện đào tạo chuyên môn nghiệp vụ trong Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các trang thiết bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty; quản lý bộ phận sản xuất cơ giới về mặt chuyên môn nghiệp vụ, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao tính hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của bộ phận cơ giới

Bộ phận sản xuất cơ giới

Bộ phận sản xuất cơ giới tham mưu cho Giám đốc, Trưởng ban kỹ thuật xây dựng những biện pháp quản lý chặt chẽ, khai thác có hiệu quả các lực lượng lao động, các trang thiết bị kỹ thuật

và tổ chức thực hiện các hoạt động xếp dỡ, vận chuyển hàng hóa bằng các phương tiện thiết bị của Công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5%

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011).

STT	Mã cổ đông	Tên cổ đông	GCNĐKKD	Ngày cấp	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	CLP0762	Công ty Dịch vụ Công ích Thanh Niên Xung Phong	4106000333	26/1/2007	3.900.000	26,00%
2	CLP0763	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	4106000337	7/2/2007	3.000.000	20,00%
3	CLP0765	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đại Phát	4102052202	18/7/2007	750.000	5,00%
4	CLP0766	Công ty CP Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng	4103006182	10/3/2009	750.000	5,00%
Tổng cộng					**8.400.000**	**56,01%**

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Mã cổ đông	Tên cổ đông	GCNĐKKD	Ngày cấp	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	CLP0762	Công ty Dịch vụ Công ích Thanh Niên Xung Phong	4106000333	26/1/2007	3.900.000	26,00%
2	CLP0763	Công ty Tân Cảng Sài Gòn	4106000337	7/2/2007	3.000.000	20,00%
3	CLP0764	Công ty Vận Tải Biển Đông	0106000560	9/3/1995	600.000	4,00%
4	CLP0765	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đại Phát	4102052202	18/7/2007	750.000	5,00%

5	CLP0766	Công ty CP Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng	4103006182	10/3/2009	750.000	5,00%
Tổng cộng					**9.000.000**	**60,01%**

Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, số lượng cổ phần sở hữu của các cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty vào ngày 27/08/2007 bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 3 năm kể từ ngày đăng ký kinh doanh. Số lượng cổ phần tăng thêm của cổ đông sáng lập trong các đợt phát hành sau ngày đăng ký kinh doanh lần đầu không bị hạn chế chuyển nhượng.

4.3 Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/5/2011 :

	Cổ đông trong nước		
Danh mục	**Giá trị (VNĐ)**	**Tỷ lệ (%)**	**Số cổ đông**
1. Cổ đông nhà nước	0	0,00	
2. Cổ đông nội bộ			
- Hội đồng quản trị	252.230.000	0,17	02
- Ban giám đốc	0		
-Ban kiểm soát	27.780.000	0,02	01
- Kế toán trưởng	0		
- Người có liên quan đến cổ đông nội bộ	1.856.790.000	1,24	04
3. Cổ đông trong Công ty			
- Cán bộ công nhân viên	5.109.630.000	3,41	04
4. Cổ đông ngoài Công ty			
- Cá nhân	47.727.040.000	31,82	711
- Tổ chức	95.000.000.000	63,34	07
5. Cổ phiếu quỹ	0	0,00	
Tổng	149.973.470.000	100	729

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

- Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Các hoạt động chính của Công ty

6.1.1 Hoạt động cung ứng dịch vụ cảng biển

Đây là hoạt động cung ứng dịch vụ chủ yếu (chiếm tỷ trọng trên 90% trong tổng doanh thu). Với hệ thống cầu tàu B7 hiện đại cùng với 2 thiết bị cẩu bờ container dạng khung chạy trên ray và hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư mới, hiện đại (bao gồm hệ thống chiếu sáng, máy phát điện, hệ thống kè bảo vệ cầu tàu...), Công ty bảo đảm đủ năng lực cung ứng dịch vụ cảng biển cho Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn thực hiện các hoạt động xuất nhập tàu thông qua cầu tàu của Công ty.

Sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu thông qua Cảng Cát Lái (bao gồm Cảng Cổ phần Cát Lái và Hệ thống cảng của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn) ngày càng tăng (2009: 2,3 triệu Teu; 2010: 2,55 triệu Teu), chiếm tỷ trọng trên 80% sản lượng xuất nhập khẩu thông qua TP.HCM và khu vực phía nam trở thành cảng có chất lượng dịch vụ hàng đầu.

6.1.2 Hoạt động dịch vụ xếp dỡ

a. Dịch vụ xếp dỡ tại bãi container

Công ty tổ chức thực hiện dịch vụ xếp dỡ cho Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng bao gồm các nghiệp vụ: nâng/hạ container xuất nhập tàu, nâng hạ trực tiếp cho khách hàng bằng sà lan và bằng đường bộ, nâng/hạ phục vụ chuyển cảng, bằng sà lan và bằng đường bộ; nâng hạ hàng nhập, chuyển kiểm hóa hải quan, rút hàng, chuyển dán tem; nâng hạ hàng xuất, chuyển từ bãi đóng hàng sang khu chờ xuất, hàng tạm nhập tái xuất, container hàng chuyển bãi nội bộ (sử dụng xe trung chuyển); nâng hạ container rỗng chuyển đóng hàng, sau rút hàng, chuyển bãi nội bộ; nâng hạ phục vụ dời dọn bãi, đảo chuyển, quay đầu container. Các nghiệp vụ xếp dỡ trên được thực hiện bằng các phương tiện thiết bị Công ty đã đầu tư gồm 04 cẩu khung Mijack.

Từ khi khai thác và hoạt động, sản lượng xếp dỡ thông qua bãi container bằng các thiết bị xếp dỡ Công ty đầu tư lần lượt năm 2009 là 105.000 Teu, năm 2010 là 110.000 Teu. Dự kiến trong năm 2011 sản lượng là 150.000 Teu**.**

b. Dịch vụ xếp dỡ tại bến sà lan B7

Trên cơ sở hợp tác với Công ty Cổ phần Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng, Công ty tổ chức thực hiện dịch vụ xếp dỡ tại bến sà lan B7 bên cạnh cầu cảng của Công ty đảm nhiệm nghiệp vụ nâng/hạ container xuất nhập sà lan, nâng hạ container trực tiếp cho khách hàng; nâng

hạ container từ sà lan lên xe và ngược lại tại cầu tàu B7; nâng hạ container chuyển rỗng đóng hàng, sau rút hàng, đáp ứng nhu cầu vận chuyển container bằng đường thủy, kết nối với hệ thống các cảng của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (vận chuyển bằng đường thủy từ Cảng Cát Lái đến các Cảng Tân Cảng Cái Mép, Cảng Tân Cảng, Cảng Tân Cảng – Miền Trung,…), giảm áp lực hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ.

Mặc dù mới hoạt động trong tháng 4/2010 nhưng sản lượng thông qua bến sà lan bằng thiết bị cẩu Liebherr trong năm 2010 đạt 35.000 Teu.

Cơ cấu doanh thu của từng hoạt động dịch vụ trong 2 năm 2009, 2010 cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng

Khoản mục doanh thu	Năm 2009	Năm 2010
	Giá trị	Giá trị
Dịch vụ cung ứng cảng biển	82.260.000.000	105.760.000.000
Hoạt động xếp dỡ container tại bãi container	4.992.823.500	5.174.095.500
Hoạt động xếp dỡ tại bến sà lan	0	3.955.743.000

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

6.2 Nguyên vật liệu

6.2.1 Nguồn nguyên vật liệu

Do mảng chính của Công ty là cung ứng dịch vụ cảng biển, dịch vụ xếp dỡ nên nguồn nguyên nhiêu liệu chính là điện, dầu, nhớt nhưng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ (dưới 7%) trong tổng chi phí sản xuất. Nguồn cung cấp các nguyên nhiêu liệu luôn có sẵn trên thị trường nên có tính ổn định cao về nguồn cung cấp.

6.2.2 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Do doanh thu của Công ty từ cung ứng dịch vụ cảng biển (chiếm trên 90%) nên các yếu tố nguyên nhiên liệu không ảnh hưởng nhiều đến tổng doanh thu và lợi nhuận của Công ty, chủ yếu ảnh hưởng đến doanh thu của hoạt động xếp dỡ tại bãi container.

6.3 Chi phí sản xuất

Đơn vị: đồng

Khoản mục chi phí	Năm 2009	Năm 2010
	Giá trị	Giá trị
Nguyên vật liệu trực tiếp	1.946.407.595	1.968.963.124
Nhân công trực tiếp	1.645.475.702	2.220.031.476
Chi phí sản xuất chung	24.237.833.832	40.301.587.275
Tổng	**27.829.717.129**	**44.490.581.875**

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

6.4 Trình độ công nghệ

Với mảng hoạt động kinh doanh chính là cung ứng dịch vụ cảng biển, dịch vụ xếp dỡ nên các thiết bị, phương tiện, cơ sở hạ tầng của Công ty được đầu tư với công nghệ tiên tiến, hiện đại, chất lượng kỹ thuật tốt, bảo đảm an toàn cho người quản lý, người lao động, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của các đối tác, rút ngắn thời gian giao hàng container, tạo giá trị gia tăng cho khách hàng.

Tính đến thời điểm hiện nay Công ty quản lý các thiết bị, hệ thống cơ sở hạ tầng kho bãi bao gồm:

- Hệ thống bãi container với diện tích gần 6,2 ha.
- Hệ thống cầu cảng với cơ sở hạ tầng hiện đại, có khả năng đón tàu làm hàng với trọng tải 3 vạn tấn.
- Hạ tầng cơ sở kỹ thuật bao gồm hệ thống chiếu sáng, trạm điện, máy phát điện bảo đảm hoạt động sản xuất khai thác tại cầu cảng, bến sà lan và bãi hàng liên tục, ổn định, không bị gián đoạn.
- 02 cẩu bờ container dạng khung chạy trên ray hiệu K.E đáp ứng nhu cầu cung ứng dịch vụ cảng biển tại cầu tàu B7.
- 04 cẩu khung hiệu Mijack hoạt động cho dịch vụ xếp dỡ tại bãi container.
- 01 cẩu bờ cố định hiệu Liebherr hoạt động dịch vụ xếp dỡ tại bến sà lan.

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung ứng dịch vụ cảng biển cho Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn nên hiện tại Công ty chưa có chương trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

6.6.1 Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Chính sách chất lượng dịch vụ Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái với phương châm cung ứng dịch vụ hoàn hảo, tốt nhất đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Công ty luôn đặt vấn đề chất lượng dịch vụ lên hàng đầu, bên cạnh đó luôn tuân thủ mọi quy định, quy chuẩn kỹ thuật của nhà nước (đặt biệt đối với các thiết bị phương tiện có yêu cầu nghiêm ngặt).

6.6.2 Chính sách chất lượng

Luôn liên hệ chặt chẽ với khách hàng, tiếp nhận và xử lý thông tin các yêu cầu của khách hàng, đối tác nhằm cung cấp dịch vụ hoàn hảo, tính cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng, đối tác.

Triển khai chính sách chất lượng dịch vụ đến từng người lao động, đào tạo, huấn luyện người lao động có tinh thần tập thể, kỹ năng cần thiết, các chính sách của Công ty, khuyến khích nhân viên tinh thần học tập, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ nhằm không ngừng cải tiến và hoàn thiện chất lượng công việc của mình, tăng hiệu quả công việc, đó cũng là biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty.

Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng cảng biển (trong đó luôn chú trọng đến hệ thống cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực), bảo đảm dịch vụ luôn được cung ứng kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả, nâng cao năng suất giải phóng tàu, đảm bảo kế hoạch sản xuất của Cảng.

Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ xếp dỡ tại bãi container cũng như tại bến sà lan nhanh chóng, kịp thời, giải phóng bến bãi nhanh chóng, nâng cao hiệu quả khai thác cảng tạo hình ảnh thân thiện trong khách hàng, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

6.6.3 Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Bộ phận kiểm tra chất lượng công ty có nhiệm vụ giúp Ban lãnh đạo công ty trong công tác quản lý chất lượng, quản lý khai thác tối đa nguồn lực, trang thiết bị phương tiện hiện có. Bộ phận kiểm tra chất lượng có trách nhiệm tham mưu, xây dựng kế hoạch, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.7 Hoạt động Marketing

Cùng với công tác quản lý chất lượng, Công ty luôn quan tâm đến hoạt động marketing và quảng bá thương hiệu nhằm tìm kiếm, tiếp cận khách hàng tiềm năng, chính sách chăm sóc, động viên khách hàng thường xuyên cùng hợp tác phát triển, xem "khách hàng" là nhân tố quyết định sự thành công trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các hoạt động marketing được thực hiện thường xuyên, mỗi người lao động trong Công ty là hình ảnh quảng bá cho Công ty. Hoạt động marketing của Công ty bao gồm các hoạt động nghiên cứu thị trường, giá cả, thường xuyên liên lạc và thực hiện chế độ chăm sóc và các chính sách bán hàng đối với khách hàng đặc biệt, thường xuyên; khắc phục các điểm chưa phù hợp để phục vụ khách hàng tốt hơn; thực hiện chính sách giá cả hợp lý trên cơ sở nghiên cứu đối thủ cạnh tranh, giá các yếu tố đầu vào để đưa ra chính sách giá tối ưu nhất theo từng thời điểm với dịch vụ cung ứng hoàn hảo.

Ngoài hoạt động marketing của Công ty, Công ty còn phối hợp với hoạt động marketing của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn quảng bá, đưa ra chính sách giá cả hợp lý, dịch vụ cung ứng hoàn hảo, thời gian nhanh chóng, hoạt động xếp dỡ an toàn, chính sách nhằm thu hút các khách hàng hãng tàu

6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Cho tới thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa có nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế.

6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Hiện Công ty đang có quan hệ thương mại với đối tác chính là Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn và Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng.

Stt	Tên hợp đồng	Trị giá hợp đồng	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
1	Hợp đồng cung ứng dịch vụ cảng biển	133.786.000.000 đồng (theo Hợp đồng số 2225/KHKT – TC ngày 30/12/2010).	1/2011 – 12/2011	Cung ứng dịch vụ cảng biển	Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn
2	Hợp đồng dịch vụ xếp dỡ container	Căn cứ vào sản lượng xếp dỡ container (*)	1/2011 – 12/2011	Xếp dỡ container	Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn

3	Hợp đồng dịch vụ xếp dỡ container	Căn cứ vào sản lượng xếp dỡ container (**)	1/2011 – 12/2011	Xếp dỡ container	Công ty cổ phần Kho Vận Tân Cảng

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

(*) Đơn giá xếp dỡ container áp dụng cho Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn:

Theo Hợp đồng dịch vụ xếp dỡ container số 647/HĐ-TC- KHKT ngày 18/04/2011 và các Phụ lục đính kèm, đơn giá dịch vụ xếp dỡ container áp dụng cho năm 2011 như sau:

STT	Phương án	Đơn giá (VNĐ/container)			
		20'H	40'H	20'R	40'H
1.	Xếp dỡ container từ sà lan lên xe tại bến B7 (hoặc ngược lại)	95.000	122.000	76.000	95.000
2.	Nâng/hạ container xuất/nhập tàu	80.500	119.000	43.500	65.000
3.	Nâng/hạ trực tiếp cho khách hàng bằng sà lan và đường bộ	80.500	119.000	43.500	65.000
4.	Nâng/hạ phục vụ chuyển cảng, ICD liên kết bằng sà lan và đường bộ	50.000	75.500	43.500	65.000
5.	Nâng/hạ container hàng chuyển bãi nội bộ (có sử dụng xe trung chuyển)	43.500	64.000	25.500	37.000
6.	Nâng/hạ phục vụ dời dọn bãi, đảo chuyển, quya đấu container (không dùng xe trung chuyển)	28.000	41.500	22.500	33.000

Giá trị hợp đồng sẽ được thanh toán trên tổng số lượng xếp dỡ container/tháng

(**) Đơn giá xếp dỡ container áp dụng cho Công ty cổ phần Kho Vận Tân Cảng:

Theo Hợp đồng số 497/KVTC – CPCCL ngày 27/01/2011 và các Phụ lục đính kèm, đơn giá xếp dỡ container áp dụng cho năm 2011 là **70.000** đồng/container, không phân biệt container 20 feet, container 40 feet, container hàng hoặc container rỗng. Đơn giá này áp dụng chung cho tất cả các tác nghiệp xếp dỡ container.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Cơ cấu doanh thu

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là các hoạt động xếp dỡ container, hoạt động xếp dỡ bến sà lan, hoạt động cung ứng dịch vụ cảng biển và hoạt động thu tiền điện tại cảng.

Bảng Cơ cấu doanh thu của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2009	Tỷ trọng	2010	Tỷ trọng
Doanh thu xếp dỡ container	4.992.823.500	5,72%	5.174.095.500	4,41%
Doanh thu xếp dỡ bến sà lan	0	0,00%	3.955.743.000	3,38%
Doanh thu cung ứng dịch vụ cảng biển	82.260.000.000	94,28%	105.760.000.000	90,24%
Doanh thu tiền điện tại cảng	0	0,00%	2.311.887.653	1,97%
Cộng	**87.252.823.500**	**100%**	**117.201.726.153**	**100%**

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

Trong năm 2010, tổng doanh thu của Công ty đạt trên 117 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động cung ứng dịch vụ cảng biển là lĩnh vực cho doanh thu chính khi chiếm trên 90% tổng doanh thu của Công ty, tiếp đến là doanh thu đến từ hoạt động xếp dỡ container chiếm 4,41%.

Trong năm 2010, ngoài doanh thu đến từ lĩnh vực cung ứng dịch vụ cảng biển và lĩnh vực xếp dỡ container ra còn có doanh thu đến từ lĩnh vực xếp dỡ bến xà lan và doanh thu tiền điện tại cảng. Đây là hai mảng cho doanh thu mới của Công ty.

Theo báo cáo tài chính tính đến hết quý 2/2011, tổng doanh thu của Cảng Cát Lái đạt trên75 tỷ đồng, lợi nhuận kế toán sau thuế đạt trên 22,3 tỷ đồng, EPS đạt 1,491 đồng, giảm 1,92 % so với cùng kỳ năm 2010.

Hình So sánh doanh thu của Công ty 2009- 2010

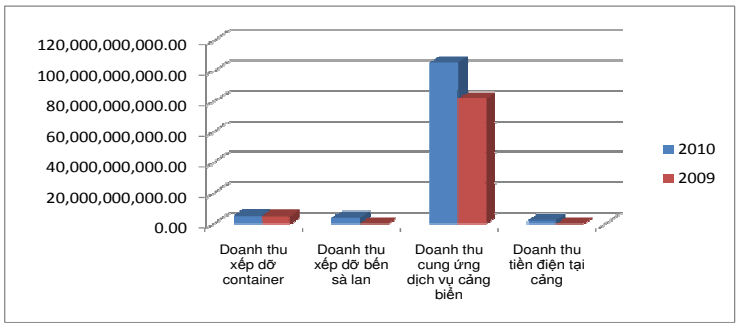

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

Hình Cơ cấu doanh thu trong năm 2010 của Công ty

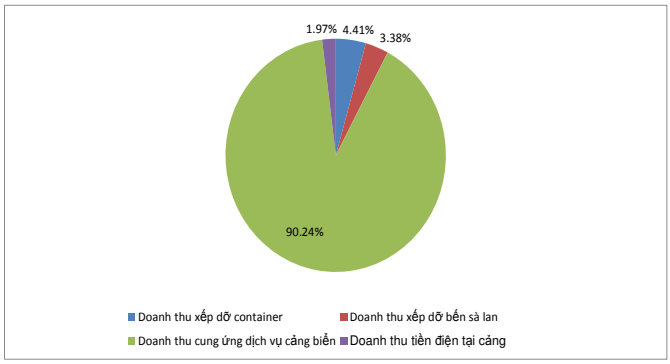

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

Hình Cơ cấu doanh thu trong năm 2009 của Công ty

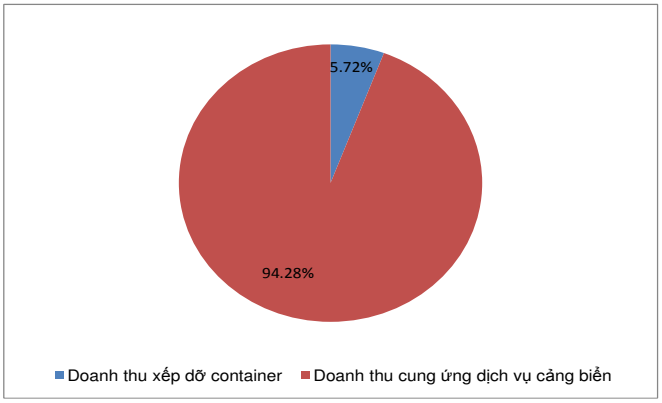

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

Cơ cấu giá vốn hàng bán của Công ty

Bảng Cơ cấu giá vốn hàng bán của Công ty 2009 – 2010

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2009	Tỷ trọng	2010	Tỷ trọng
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.946.407.595	6,99%	1.968.963.124	4,43%
Chi nhân công trực tiếp	1.645.475.702	5,92%	2.220.031.476	4,99%
Chi phí sản xuất chung	24.237.833.832	87,09%	40.301.587.275	90,58%
Cộng	**27.829.717.129**	**100,00%**	**44.490.581.875**	**100,00%**

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

Chi phí giá vốn hàng bán của Công ty chủ yếu là từ chi phí sản xuất chung. Trong năm 2010, chi phí sản xuất chung chiếm 90% tổng giá vốn hàng bán, trong khi năm 2009 chiếm 87%. Tiếp theo đó là chi phí nhân công trực tiếp và chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Hình Cơ cấu giá vốn hàng bán Công ty năm 2010

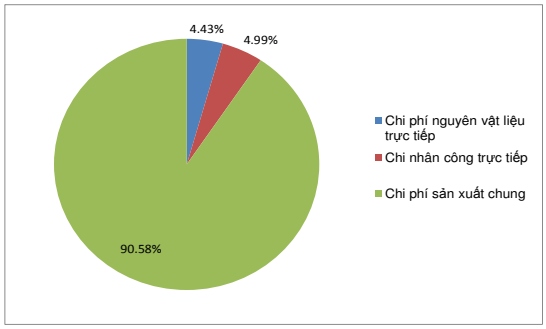

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

Hình Cơ cấu giá vốn hàng bán Công ty năm 2009

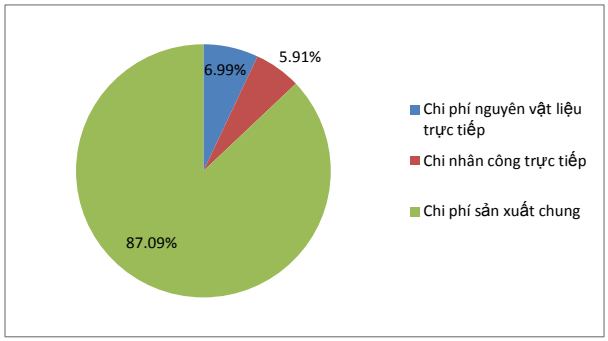

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

Bảng So sánh cơ cấu chi phí giá vốn hàng bán Công ty 2009 - 2010

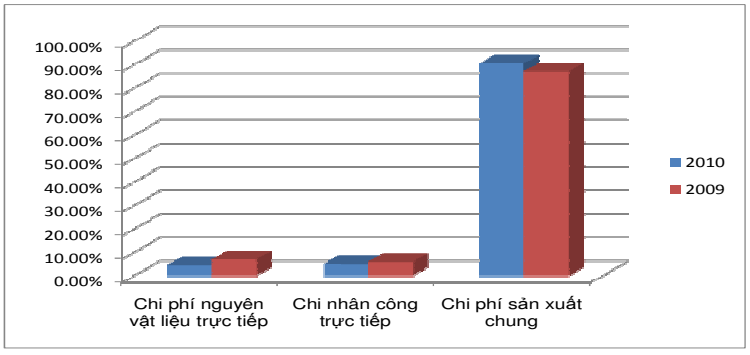

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

Cơ cấu chi phí

Chi phí chủ yếu của Công ty là chi phí giá vốn hàng bán và chi phí tài chính. Trong năm 2010 tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu của Công ty chiếm 37,96%, năm 2009 tỷ trọng này chiếm 31,9%. Do đặc điểm là xây dựng cảng rồi cho thuê, do đó Công ty không phát sinh chi phí bán hàng.

Bảng Cơ cấu chi phí của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2009	% doanh thu	2010	% doanh thu	6 tháng đầu năm /2011	% doanh thu
Giá vốn hàng bán	27.829.717.129	31,90%	44.490.581.875	37,96%	27.359.220.770	36,47%
Chi phí tài chính	13.915.916.559	15,95%	25.917.168.288	22,11%	21.057.602.094	28,07%
Chi phí bán hàng	0	0%	0	0%	0	0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.524.949.284	2,89%	3.049.788.644	2,60%	2.373.971.040	3,16%

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

Hình Cơ cấu chi phí của Công ty 2009 - 2010

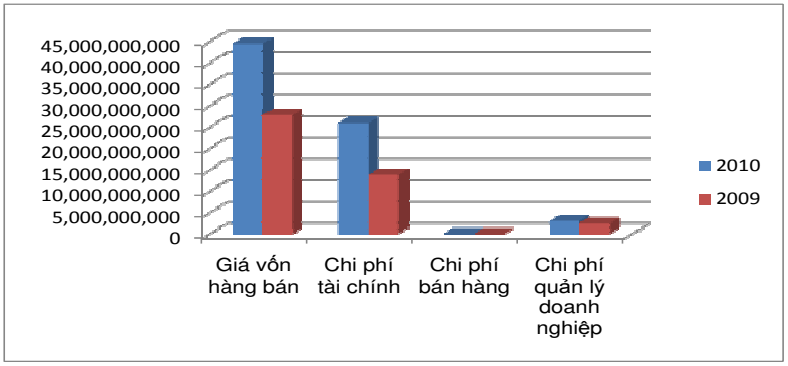

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	% Tăng giảm	6 tháng đầu năm 2011(*)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	87.252.823.500	117.201.726.153	34,3%	75.024.993.170
Giá vốn hàng bán	27.829.717.129	44.490.581.875	59,9%	27.359.220.770
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.423.106.371	72.711.144.278	22,4%	47.665.772.400
Doanh thu hoạt động tài chính	2.036.680.696	1.051.381.150	-48,4%	610.236.965
Chi phí tài chính	13.915.916.559	25.917.168.288	86,2%	21.057.602.094
- Trong đó: Chi phí lãi vay	6.099.675.035	15.749.267.593	158,2%	10.144.809.142
Chi phí bán hàng	0	0	0%	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.524.949.284	3.049.788.644	21,0%	2.373.971.040
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	45.018.921.224	44.795.568.496	20,8%	24.844.436.231
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.018.921.224	45.185.569.496	-0,5%	24.844.436.231
Lợi nhuận sau thuế TNDN	45.018.921.224	45.185.569.496	0,4%	22.359.992.608
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.002	3.013	0,4%	1.491

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

(*): Báo cáo 6 tháng năm 2011 chưa được kiểm toán

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

7.2.1 Những nhân tố thuận lợi

Khách hàng lớn của Công ty là Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, một trong những công ty có thương hiệu, uy tín trong ngành, có kinh nghiệm trong việc tổ chức, khai thác, kinh doanh cảng biển. Ngoài ra, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn còn có tiềm lực kinh tế hùng mạnh với hệ thống cơ sở hạ tầng cảng nhiều, nằm ở vị trí chiến lược trên khắp cả nước.

Công tác tổ chức, quản lý hoạt động của Công ty khá tốt, các thành viên trong Ban quản trị luôn luôn đoàn kết nhằm xây dựng Công ty ngày càng phát triển. Đội ngũ cán bộ ,nhân viên trong Công ty có nhiều kinh nghiệm trong công tác điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, sự năng động và tinh thần trách nhiệm của bộ máy lãnh đạo là nhân tố thuận lợi tạo điều kiện cho đơn vị ổn định phát triển.

Công ty thực hiện việc tuyển dụng từ những nguồn có chất lượng. Hơn nữa, Công ty có chính sách đào tạo nhằm nâng cao trình độ nguồn nhân lực của mình, khuyến khích những ý tưởng sáng tạo của các cán bộ, công nhân viên nhằm đa dạng sản phẩm của mình, phát triển và mở rộng mạnh lưới hoạt động kinh doanh. Chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của Công ty luôn được Ban lãnh đạo vạch ra rõ ràng, phù hợp với tình hình thực tiễn và văn hóa trong Công ty.

7.2.2 Những nhân tố khó khăn

Giá cả nhiên liệu và một số yếu tố đầu vào có diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng tới công tác dự báo, lên kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, sự thiếu hụt lực lượng lao động lành nghề là những trở ngại trong hoạt động dịch vụ của Công ty.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Cảng Cát Lái có vị trí nằm trong trung tâm tứ giác phát triển kinh tế động lực chiến lược và tiềm năng nhất Việt Nam gồm Tp Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là khu vực thu hút vốn đầu tư Nước ngoài (FDI) hàng đầu cả nước với tỷ lệ dân số chiếm gần 50%, đồng thời cũng là vùng đóng góp lớn nhất cho kinh tế Việt Nam, chiếm gần 60% thu ngân sách và trên 70% kim ngạch xuất khẩu.

Với diện tích 6,2 ha, được bao quanh bởi nhiều khu công nghiệp lớn và các trung tâm năng lượng, dễ dàng kết nối bằng đường bộ qua Quốc Lộ 1, Quốc Lộ 51 và bằng đường sắt qua hệ thống đường sắt quốc gia, mặt bằng của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái có một vị trí hết sức quan trọng và thuận lợi trong việc tạo thành chuỗi kết nối và cung ứng rất hoàn hảo giữa tất cả các doanh nghiệp trong Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam với hệ thống cảng nước sâu thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và hệ thống cảng thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong chiến lược phát triển kinh doanh, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ trở thành một trung tâm logistics kiểu mẫu, hiện đại của Việt Nam trong đó có đầy đủ các dịch vụ kho hàng, bãi container và các dịch vụ giá trị gia tăng cùng với sự cung ứng các giải pháp kinh doanh toàn diện.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Theo dự báo, trong tương lai không xa, dịch vụ giao nhận kho vận (logistics) sẽ trở thành một ngành kinh tế quan trọng tại Việt Nam, đóng góp tới 15% GDP cả nước. Đặc biệt, trong 10 năm tới, khi kim ngạch xuất nhập khẩu (XNK) của Việt Nam có thể đạt mức 200 tỉ USD/năm thì nhu cầu sử dụng dịch vụ logistics lại càng lớn. Dự báo, đến năm 2010, hàng container qua cảng biển Việt Nam sẽ đạt từ 3,6-4,2 triệu TEU. Con số này đến năm 2020 dự báo sẽ lên đến 7,7 triệu TEU.

Song hành cùng sự phát triển kinh tế là tăng trưởng trong hoạt động xuất nhập khẩu. Do đó, ngành logistics lại thêm nhiều cơ hội phát triển. Theo dự báo của Bộ Công thương, trong 10 năm tới kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước sẽ đạt tới 200 tỷ USD. Điều đó cho thấy tiềm năng phát triển dịch vụ logistics Việt Nam còn khá lớn.

Những năm gần đây, vận tải biển Việt Nam đang có những bước phát triển vượt đáng kể. Hiện 90% hàng hóa XNK được vận chuyển bằng đường biển. Đặc biệt, lĩnh vực vận chuyển container luôn đạt tốc độ tăng trưởng 2 chữ số trong những năm gần đây. Tuy vậy, điều này lại dẫn đến hệ luỵ là Việt Nam đang rất cần các cảng nước sâu để có thể thoả mãn được nhu cầu xuất nhập khẩu ngày càng tăng. Tổng khối lượng hàng qua các cảng biển Việt Nam hiện nay vào khoảng 140 triệu tấn/năm (năm 2006: 153 triệu tấn), tốc độ tăng trưởng hàng năm trong vòng 10 năm tới theo dự đoán là 20 - 25%. Việc dịch chuyển cơ sở sản xuất của nhiều doanh nghiệp nước ngoài từ nơi khác đến Việt Nam đã tạo ra cơ hội rất lớn trong việc xây dựng một mạng lưới giao nhận kho vận hoạt động hiệu quả.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Nhìn chung, cung cầu của thị trường kho vận giao nhận thời gian qua là lượng cung lớn hơn lượng cầu do sự phát triển tự phát của nhiều doanh nghiệp loại nhỏ. Do vậy, tính cạnh tranh rất gay gắt không chỉ về mật độ cung mà còn hàm chứa những cạnh tranh không lành mạnh.

Việt Nam gia nhập WTO, cạnh tranh trong lĩnh vực này không chỉ là giữa các doanh nghiệp trong nước mà còn có sự tác động của các doanh nghiệp nước ngoài (mặc dù trong lĩnh vực logistics, nhà nước vẫn còn một số qui định hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài). Cạnh tranh không chỉ về cung mà còn về chất lượng. Bởi vì, trong lĩnh vực giao nhận vận chuyển (rộng hơn là logistics), nhà đầu tư nước ngoài có tiềm năng lớn và kinh nghiệm hơn các doanh nghiệp trong nước. Đây chính là thách thức lớn đối với ngành giao nhận vận chuyển Việt nam thời kỳ hội nhập.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng lao động trong Công ty

Số lượng lao động trong Công ty tính đến thời điểm hiện tại là 45 người, trong đó trình độ đại học trở lên gồm 10 lao động (chiếm 22% tổng lao động toàn Công ty).

9.2 Chính sách đối với người lao động

Thời gian làm việc

Công ty tổ chức làm việc 40 giờ/tuần bao gồm: Chế độ làm việc theo giờ hành chính và chế độ lào việc theo ca.

Chế độ làm việc theo ca áp dụng đối với bộ phận lao động trực tiếp (bộ phận sản xuất cơ giới).

Chế độ làm việc theo giờ hành chính áp dụng đối với bộ phận lao động gián tiếp (Ban hành chính nhân sự, Ban tài chính kế toán, Ban kỹ thuật xây dựng trừ bộ phận sản xuất cơ giới).

Thời gian nghỉ giữa ca

- Ca 1: 11h30’ đến 12h30
- Ca 2: 18h30’ đến 19h00’
- Ca 3: 23h00’ đến 0h30’

Thời gian nghỉ giữa ca được tính vào thời gian làm việc đối với người lao động làm việc liên tục 8 giờ gồm: 30 phút nếu làm việc ca 1, ca 2; 45 phút nếu làm việc ca 3.

Nghỉ lễ: Công ty tuân thủ chế độ nghỉ lễ của Nhà nước

Nghỉ thai sản

Cán bộ, nhân viên Công ty được nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ thai sản từ 04 – 06 tháng theo chế độ bảo hiểm xã hội, còn được hưởng trợ cấp sinh con và các tháng lương cơ bản do bảo hiểm xã hội chi trả tương ứng với thời gian nghỉ thai sản theo quy định.

Điều kiện làm việc

Văn phòng làm việc, bãi làm hàng thông thoáng, sạch sẽ, các phương tiện thiết bị hiện đại. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị các phương tiện bảo hộ lao động theo quy định pháp luật bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, phòng chống chày nổ... Các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng và thu hút nhân tài

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tùy theo chức danh, chức vụ đảm nhiệm, Công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng như tất cả đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như trình độ chuyên môn; tính chủ động, sáng tạo và nhiệt tình trong công việc. Đối với các chức danh quan trọng như cán bô quản lý điều hành các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe với các tiêu chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ đại học trở lên, kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, dự báo, thuyết trình, đánh giá công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học. Ngoài ra Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt liên quan tới các nhân viên giỏi, xuất sắc, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, thực hiện chính sách thu hút nhân tài, xem nhân sự là nguồn lực quý báu và quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Công ty.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Về lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với ngành nghề hoạt động và bảo đảm người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, của pháp luật lao động, phù hợp với trình độ, năng lực chuyên môn và vị trí công tác của người lao động. Công ty áp dụng trả lương theo từng chức danh, vị trí công tác, trả lương phải gắn với kết quả

thực hiện nhiệm vụ của mỗi cán bộ, nhân viên Công ty (trả lương theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác).

Về thưởng: Thưởng cán bộ nhân viên 6 tháng đầu năm, tháng 13, tiền thưởng những ngày lễ và ngày thành lập Công ty.

Quy chế trả lương, thưởng được Công ty xây dựng trên cơ sở thỏa thuận giữa Ban lãnh đạo công ty và Ban chấp hành công đoàn cơ sở, công khai đến từng người lao động và đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn được Công ty trích nộp theo quy định của pháp luật.

10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và hoàn thành các nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định pháp luật.

Cổ đông sẽ được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp, có thể được tạm ứng cổ tức tùy thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ chi trả cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định, trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm tới.

Tỷ lệ chi trả cổ tức đã thực hiện:

- Năm 2007 và 2008: 0 %;
- Năm 2009 : 22 %;
- Năm 2010: 20 %.

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi

tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay được thanh lý, nguyên giá và khấu hao tích lũy được xóa sổ và bất kỳ khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	5-30
Máy móc và thiết bị	3-7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

Năm 2010, tổng tài sản hữu hình năm 2010 là 288.762.805.236 đồng. Theo báo cáo 6 tháng đầu năm 2011 tổng tài sản cố định hữu hình của Công ty là 274.989.153.452 đồng, giảm 4,77 % so với cuối năm 2010.

Bảng Tài sản cố định hữu hình của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	6 tháng đầu năm 2011(*)
Tài sản cố định hữu hình	**161.792.756.286**	**288.762.805.236**	**274.989.153.452**
Nguyên giá	**183.828.126.866**	**338.237.726.495**	**338.378.019.156**
Giá trị hao mòn lũy kế	**-22.035.370.580**	**-49.474.921.259**	**-63.388.865.704**

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

** Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 chưa được kiểm toán*

11.1.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có

quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ… Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm.

Năm tài chính 2010 kết thúc ngày 31/12/2010 Tổng giá trị tài sản vô hình là 75.138.730.211 đồng.

Theo số liệu báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 tổng tài sản cố định vô hình là 74.358.072.833 đồng, giảm 1,04 % so với đầu năm 2010

Bảng Tài sản cố định vô hình của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	6 tháng đầu năm 2011(*)
Tài sản cố định vô hình	**76.723.378.300**	**75.138.730.211**	74.358.072.833
Nguyên giá	79.232.404.441	79.232.404.441	79.246.404.441
Giá trị hao mòn lũy kế	-2.509.026.141	-4.093.674.230	- 4.888.331.608

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

** Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm/2011 chưa được kiểm toán*

11.1.3 Thanh toán các khoản vay và nợ đến hạn

Căn cứ báo cáo tài chính đã kiểm toán 2009 và báo cáo tài chính 2010 đến thời điểm 31/12/2010. Các khoản vay dài hạn đến hạn trả là 34.077.600.000. Đây là khoản vay đến hạn trả của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú

Bảng Các khoản vay và nợ đến hạn của Công ty 2009 – 2010

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2009	2010
Số đầu năm	20.862.410.899	32.293.800.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	4.076.125.075	0
Kết chuyển từ vay dài hạn	32.293.800.000	34.077.600.000
Số tiền vay đã trả trong năm	-24.938.535.974	-32.293.800.000
Số cuối năm	**32.293.800.000**	**34.077.600.000**

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

11.1.4 Các khoản thuế phải nộp theo luật định

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Theo qui định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 về việc hướng dẫn thực hiện miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Doanh nghiệp được thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được hưởng thuế suất ưu đãi 20% trong thời gian 10 năm, miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

Công ty đầu tư cảng biển, cảng sông thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư nên được hưởng thuế suất ưu đãi 20% trong thời gian 10 năm, miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

Theo đó, năm 2009 là năm tài chính Công ty hoạt động sản suất kinh doanh có lãi và được miễn thuế. Trong năm 2010 Công ty tiếp tục được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác: Ngoài ra, các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng qui định hiện hành của nhà nước.

Tính đến năm tài chính 2010 kết thúc ngày 31/12/2010. Công ty được hoàn các khoản thuế đã nộp trong năm là 3.783.902.824 đồng.

Bảng Các khoản thuế phải nộp của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Số đầu năm (2009)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối năm (2010)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	2.681.425.214	2.681.425.214	0
Thuế thu nhập cá nhân	13.927.853	154.369.849	109.632.356	58.665.346
Thuế thu nhập DN	0	0	3.237.769.287	-3.237.769.287
Thuế đất	0	0	695.130.825	-695.130.825
Các loại thuế khác	**0**	93.331.942	3.000.000	90.331.942
Cộng	**13.927.853**	**2.929.127.005**	**6.726.957.682**	**-3.783.902.824**

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

11.1.5 Trích lập các quỹ theo qui định

Công ty thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng điều lệ Công ty và luật định. Định mức trích cho từng quỹ được các thành viên HĐQT thống nhất và được ĐHCĐ thông qua.

Tính đến 6 tháng đầu năm 2011 quỹ đầu tư phát triển của Công ty có giá trị là 12.912.008.702 đồng, tăng 27,63% so với cuối năm 2010. Quỹ dự phòng tài chính là 5.388.244.153 đồng, tăng 26,18% so với cuối năm 2010

Bảng Các quỹ trích lập của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	6 tháng đầu năm 2011(*)
Quỹ đầu tư phát triển	4.468.813.439	10.117.009.626	12.912.008.702
Quỹ dự phòng tài chính	2.010.966.047	4.270.244.522	5.388.244.153

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

** Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 chưa được kiểm toán*

11.1.6 Tổng dư nợ vay

Tổng dư nợ các khoản vay vào ngày kết thúc niên độ kế toán theo năm tài chính 2010, 31/12/2010 như bên dưới:

Tính đến hết 6 tháng đầu năm 2011, tổng nợ phải trả của Công ty là 213.914.867.714 đồng, giảm 5,14% % so với cuối năm 2010. Trong đó, chủ yếu là giảm nợ ngắn hạn, nợ dài hạn tăng 0,33 % so với cuối 2010.

Bảng Các khoản nợ vay của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ (2009)	Số cuối kỳ (2010)	6 tháng đầu năm 2011(*)
NỢ PHẢI TRẢ	**266.526.317.256**	**225.502.450.816**	**213.914.867.714**
Nợ ngắn hạn	**89.457.407.651**	**46.387.949.597**	**34.216.505.287**
1. Vay và nợ ngắn hạn	32.293.800.000	34.077.600.000	17.038.800.000
2. Phải trả người bán	47.844.193.243	3.571.943.459	2.651.432.254
3. Người mua trả tiền trước	0	0	5.033.702.808
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.927.853	148.997.288	61.562.821
5. Phải trả người lao động	292.140.515	663.694.574	155.718.487
6. Chi phí phải trả	2.308.985.462	1.363.580.340	2.421.266.376
7. Phải trả nội bộ	0	0	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	0	0	

9. Các khoản phải trả. phải nộp ngắn hạn khác	5.464.122.040	4.837.534.175	5.111.423.149
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0	
11. Quỹ khen thưởng. phúc lợi	1.240.238.538	1.724.599.761	1.742.599.392
12.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	0	0	
Nợ dài hạn	**177.068.909.605**	**179.114.501.219**	**179.698.362.427**
1. Phải trả dài hạn người bán	0	0	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	0	0	
3. Phải trả dài hạn khác	0	0	
4. Vay và nợ dài hạn	177.065.139.605	179.105.908.219	179.689.769.427
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	3.770.000	8.593.000	8.593.000
7.Dự phòng phải trả dài hạn	0	0	
8. Doanh thu chưa thực hiện	0	0	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	0	0	

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

** Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 chưa được kiểm toán.*

11.1.7 Tình hình công nợ hiện nay

Tổng các khoản phải thu vào ngày kết thúc niên độ kế toán theo năm tài chính 2010, ngày 31/12/2010 như bên dưới:

Tính đến 6 tháng *đầu năm* 2011 tổng các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty là 26.238.992.485 đồng. Tăng gần 6 lần so với cuối năm 2010. Trong đó, chủ yếu là tăng chi phí trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác

Bảng Tình hình công nợ của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ (2009)	Số cuối kỳ (2010)	6 tháng đầu năm 2011(*)

Các khoản phải thu ngắn hạn	**618.418.150**	**4.655.417.473**	**26.238.992.485**
Phải thu khách hàng	605.748.150	1.472.290.695	215.908.000
Trả trước cho người bán	11.670.000	3.072.364.910	25.889.932.089
Phải thu nội bộ ngắn hạn	0	0	0
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	0	0	0
Các khoản phải thu khác	1.000.000	110.761.868	133.152.396
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	0	0	0

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

**: Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 chưa được kiểm toán.*

11.1.8 Tình hình hàng tồn kho

Tính đến năm tài chính 2010 kết thúc vào ngày 31/12/2010, Công ty không còn các khoản hàng tồn kho.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	Kết quả		**TB ngành***	**Đánh giá**
	2009	**2010**		
Chỉ số thanh toán				
Chỉ số thanh toán hiện thời	**0,20**	**1,00**	**4,0**	Chỉ số thanh toán hiện hành đo lường khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty. Chỉ số được xác định bằng cách lấy tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn. Có thể thấy, chỉ số thanh khoản hiện hành của Công ty đạt ở mức khá thấp so với trung bình ngành và với tiêu chuẩn chung của thế giới là 2. Như vậy, sẽ là rủi ro đối với Công ty khi các khoản nợ ngắn hạn đến hạn thanh toán. Công ty có thể cải thiện chỉ số này bằng cách bán các tài sản dư thừa không dùng tới (hoặc vay nợ dài hạn vừa đủ) để nâng cao chỉ số thanh toán hiện
Chỉ số thanh toán nhanh	**0,2**	**1,00**	**Na**	

				thời và thanh toán nhanh. Đồng thời nâng cao vị thế của mình trong mắt các nhà cung cấp vốn.
Chỉ số do lường hiệu quả hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	**1033,4**	**Na**	**52,4**	Do đặc trưng là doanh nghiệp xây dựng cảng rồi cho thuê, nên các chỉ số liên quan đến quản lý tài sản chúng tôi không xét tới.
Thời gian xử lý hàng tồn kho (ngày)	**0,35**	**Na**	**4,9**	
Vòng quay khoản phải thu	**3,53**	**44,45**	**3,8**	
Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	**103,38**	**8,21**	**98,6**	
Vòng quay khoản phải trả	**0,53**	**1,73**	**12,9**	
Kỳ trả tiền bình quân (ngày)	**694,31**	**210,91**	**19,0**	
Vòng quay tài sản cố định	**0,48**	**0,39**	**5,6**	Chỉ số vòng quay tổng tài sản đo lường hiệu quả sử dụng tổng tài sản của Công ty. Trong năm 2010 chỉ số này đạt 0,28 cho thấy một đồng tài sản mang đi đầu tư cho được 0,28 đồng doanh thu, tuy có được cải thiện theo thời gian nhưng vẫn thấp hơn so với trung bình ngành. Chỉ số vòng quay tổng tài sản gần sát với vòng quay tài sản cố định cho thấy, tài sản của Công ty là tài sản mới, thời gian khấu hao chưa nhiều. Trong tương lai Công ty cần nâng chỉ số này lên so với trung bình ngành bằng cách đưa vào sử dụng tài sản, tạo doanh thu hoặc bán bớt tài sản không sử dụng đến.
Vòng quay tổng tài sản	**0,23**	**0,28**	**0,9**	
Vòng quay vốn chủ sở hữu	**0,58**	**0,78**	**2,6**	
Chỉ số đo lường đòn bẩy				
Tỷ số tổng nợ/tổng tài sản	**0,6**	**0,5**	**0,1**	Tổng nợ/tổng tài sản là chỉ số đo lương khả năng sử dụng nợ để tài trợ cho tài sản của doanh nghiệp. Chỉ số trong năm 2010 là 0,5 cho thấy một đồng tài sản được tài trợ bởi 0,5 đồng nợ. Chỉ số này tuy có cao hơn trung bình ngành nhưng đánh giá ở mức an toàn.
Chỉ số đo lường khả năng trả lãi				

Chỉ số đo lường khả năng trả lãi	**9,33**	**4,45**	**21,4**	Chỉ số đo lường khả năng trả lãi đo lường khả năng thanh toán các khoản lãi đến hạn của Công ty. Chỉ số này của Công ty trong năm 2010 là 4,45, tuy có thấp hơn trung bình ngành nhưng đánh giá ở mức an toàn
Chỉ số đo lường khả năng sinh lợi				
Chỉ số lợi nhuận gộp	**68,10%**	**62,04%**	**40%**	Chỉ số đo lường lợi nhuận gộp/doanh thu đạt 62%, có nghĩa là 100 đồng doanh thu sẽ cho 62 đồng lợi nhuận gộp. Trong năm 2010 chỉ số này có giảm 6% do chi phí giá vốn hàng bán tăng, nhưng vẫn cao hơn mức trung bình ngành. Chỉ số này được đánh giá khá tốt. Tuy nhiên, để kiểm soát được chỉ số này ổn định hơn, Công ty có thể kiểm soát giá vốn hàng bán tốt hơn hoặc gia tăng giá bán đầu ra tương ứng với giá vốn hàng bán.
Chỉ số lợi nhuận thuần	**51,60%**	**38,55%**	**30%**	Chỉ số đo lường lợi nhuận sau thuế/doanh thu của Công ty là 38,5%. Điều này có nghĩa cứ 100 đồng doanh thu sẽ cho 38,5 đồng lợi nhuận sau thuế. Chỉ số này tuy có giảm so với 2009 nhưng vẫn cao hơn trung bình ngành và được đánh giá tốt. Nguyên nhân một phần là do Công ty được miễn thuế trong các năm đầu hoạt động.
ROA	**11,87%**	**10,82%**	**30%**	Chỉ số suất sinh lợi/tổng tài sản là chỉ số đo lường khả năng sử dụng tài sản của Công ty. Chỉ số này được duy trì khá ổn định, trong năm 2010 chỉ số này đạt 10,82%, điều này có nghĩa là 100 đồng tài sản mang đi đầu tư sẽ cho ra 10,82 đồng lợi nhuận sau thuế. Chỉ số này thấp hơn khá nhiều so với trung bình ngành. Nguyên nhân là do kết chuyển tài sản từ mục chi phí xây dựng dở dang sang mục tài sản cố định hữu hình. Do vậy, các tài sản này vừa được đưa vào sử dụng và chưa tạo doanh thu cho Công ty.
ROE	**30,02%**	**30,13%**	**50%**	Chỉ số suất sinh lợi/vốn chủ sở hữu là chỉ số đo lường khả năng sử dụng vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong 2 năm 2009 và 2010 chỉ số này được duy trì khá ổn định khi đạt mức trên 30%. Điều này có nghĩa 100 đồng vốn chủ sở hữu mang đi đầu tư sẽ cho ra 30 đồng

				lợi nhuận sau thuế. Tỷ số này cao hơn ROA là do tác dụng của đòn bẩy. Tuy nhiên, chỉ số này thấp hơn trung bình ngành. Theo phân tích Dupont Công ty nên cải thiện khả năng quản lý tài sản tốt hơn để nâng cao ROE cho bằng hoặc cao hơn trung bình ngành. Công ty không nên sử dụng đòn bẩy tài chính nhiều để tăng ROE cho doanh nghiệp, vì trong bối cảnh lãi suất đang cao thì việc sử dụng đòn bẩy để tăng ROE sẽ gặp nhiều rủi ro.

Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái

***:** *Được lấy số liệu từ các công ty đang niêm yết trên sàn và được tính toán theo tiêu chuẩn quốc tế - CFA.*

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Hội đồng quản trị

Ông Lê Tấn Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Đăng Nghiêm	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Ngô Phạm Viết Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lăng Nguyễn Thanh Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Quân	Giám đốc
Ông Ngô Phạm Viết Tuấn	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Lan Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Hoạch	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Lê Uyển Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát

SƠ YẾU LÍ LỊCH TÓM TẮT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông LÊ TẤN HÙNG: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên	: LÊ TẤN HÙNG
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 02/09/1963
Nơi sinh	: Tiền Giang
Số chứng minh nhân dân	: 022025238 do Công an TPHCM cấp 07/06/2011
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Tiền Giang
Địa chỉ thường trú	: 22 BIS Trương Định, Phường 7, Quận 3, TPHCM
Số điện thoại liên lạc	: 0918266688
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:

1978-1984: Cán bộ Quận đoàn quận Tân Bình và Trường giáo dục lao động Công nông nghiệp quận Tân Bình.

1984-1987: Bí thư Đoàn TNCS Phường 7 quận Tân Bình.

1987-1989: Học Trung cấp lý luận chính trị Trường Đảng Nguyễn Văn Cừ TP. HCM.

1989-1990: Chuyên trách công tác Đảng bộ phường, Bí thư chi bộ, uỷ viên UBND phường 14, quận Tân Bình.

1990-1993: Cán bộ công ty Sapsimes thuộc Lực lượng TNXP TP.HCM.

1993-1994: Phó giám đốc xí nghiệp Đầu tư Phát triển đô thị trực thuộc Lực lượng TNXP TP.HCM .

1994-1996: Phó trưởng phòng Tổ chức Lực lượng TNXP.

1996-2000: Phó giám đốc Công ty Đầu tư và dịch vụ TPHCM.

2000-2004: Giám đốc Công ty Đầu tư và xây dựng TNXP .

9/2004-2007: Phó Chỉ huy trưởng Lực lượng TNXP Tp.Hồ Chí Minh.

6/2007-2008: Quyền Chỉ huy trưởng Lực lượng TNXP Tp. Hồ Chí Minh.

2/2008- nay: Chỉ huy trưởng LLTNXP TP.Hồ Chí Minh.

Chức vụ công tác hiện nay *(bao gồm Chức vụ đang nắm giữ ở các công ty khác)*:

- Chỉ huy trưởng Lực lượng thanh niên xung phong TPHCM
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0

Số lượng cổ phần đại diện : 0

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 0

Số cổ phần của những người có liên quan : Không có

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Ông NGUYỄN ĐĂNG NGHIÊM: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên : **NGUYỄN ĐĂNG NGHIÊM**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 15/06/1957

Nơi sinh : Thanh Hóa

Số chứng minh nhân dân : 024042636 do Công an TPHCM cấp ngày 21/08/2002

Địa chỉ thường trú : Số 2/8 Đường 31 Trần Não, Phường Bình An, Quận 2, TPHCM

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Quảng Giao, Quảng Xương, Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc : 08.39880694

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

- Từ 03/1975. đến 01/1980: Công tác tại Học viện sỹ quan Trường sĩ quan Hải Quân
- Từ 02/1980 đến 01/1992: Công tác tại Phòng Cán bộ Hải Quân.
- Từ 02/1992/ đến 09/2006: Công tác tại Công ty Tân Cảng Sài Gòn.
- Từ 10/2006 đến nay: Tổng giám đốc Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

Chức vụ công tác hiện nay *(bao gồm Chức vụ đang nắm giữ ở các công ty khác)*:

- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Cảng Quốc Tế Tân Cảng Cát Mép
- Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng giám đốc công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 3.019.406 CP, chiếm 20,13 % vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : 3.000.000 CP, chiếm 20% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 19.406 CP, chiếm 0,13 % vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan:

Vợ Trần Thị Thoa : 2.295 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,015% vốn điều lệ

Con Nguyễn Thị Thu Trang : 180.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,20% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Ông NGUYỄN VĂN QUÂN: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty

Họ và tên : **NGUYỄN VĂN QUÂN**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 24/10/1963

Nơi sinh : Thái Bình

Số chứng minh nhân dân : 150162898 do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 09/02/2006

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Thái Bình

Địa chỉ thường trú : 180/50 Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Số điện thoại liên lạc : 0913926466

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

- Từ 1982 – 1985: Bộ đội tại E52 F337 Lạng Sơn.
- Từ 1986 – 1992: Sinh viên trường Đại học Hàng Hải Hải Phòng
- Từ 1993 – 9/2007: Công tác tại Công ty Tân Cảng Sài Gòn
- Từ 9/2007 – nay : Công tác tại Công ty cổ phần Cảng Cát Lái

Chức vụ công tác hiện nay *(bao gồm Chức vụ đang nắm giữ ở các công ty khác)*:

- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 5.817 CP, chiếm 0,039% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 5.817 CP, chiếm 0,039% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Ông NGÔ PHẠM VIẾT TUẤN: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám Đốc

Họ và tên : **NGÔ PHẠM VIẾT TUẤN**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 19/07/1975

Nơi sinh : TPHCM

Số chứng minh nhân dân : 023247218 do Công an TPHCM cấp ngày 23/01/2010

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Nam Định

Địa chỉ thường trú : 480/23B Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, TPHCM

Số điện thoại liên lạc : 0917295317

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 6/2002 – 9/2007: Công tác tại Công ty Đầu tư và Xây dựng TNXP
- Từ 9/2007 – nay : Công tác tại Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.

Chức vụ công tác hiện nay *(bao gồm Chức vụ đang nắm giữ ở các công ty khác)*:

- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc, kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : 0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Ông LĂNG NGUYỄN THANH VŨ: Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	: **LĂNG NGUYỄN THANH VŨ**
Số chứng minh nhân dân	: 021733589 do Công an TPHCM cấp ngày 04/09/2008
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 14/11/1966
Nơi sinh	: Tiền Giang
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: TIền Giang
Địa chỉ thường trú	: 139/15 Nguyễn Thượng Hiền, phường 6, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Số điện thoại liên lạc	: 0903701451
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Trung cấp lao động tiền lương

Quá trình công tác:

- Từ 1987 - 1997: Tham gia lực lượng TNXP TPHCM, công tác tại Tổng đội 7 Gò Gia – Cần Giờ (sau chuyển thành Công ty đầu tư và dịch vụ TNXP - INVESCO)

- Từ1997 – 7/2010: Công tác tại Công ty Dịch vụ công ích TNXP.

- Từ 7/2010 - nay : Giám đốc công ty TNHH MTV Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công Ích Thanh Niên Xung Phong.

Chức vụ công tác hiện nay *(bao gồm Chức vụ đang nắm giữ ở các công ty khác)*:

- Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công Ích Thanh Niên Xung Phong.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cát Lái

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 3.900.000 cổ phần, chiếm 26 % vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : 3.900.000 cổ phần, chiếm 26% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

BAN KIỂM SOÁT

Bà VŨ THỊ LAN ANH – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : **VŨ THỊ LAN ANH**

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 28/07/1971

Nơi sinh : Quảng Ninh

Số chứng minh nhân dân : 022441963 do Công an Tp HCM cấp ngày 20/10/2004

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : An Ninh – Quỳnh Phụ - Thái Bình

Địa chỉ thường trú : 7/2 E Ngô Tất Tố Phường 22 Quận Bình Thạnh TP HCM

Số điện thoại liên lạc : 0913 856 448

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử Nhân Kinh Tế

Quá trình công tác :

- Từ năm 1991 - 1992: Công tác tại Công ty Tân Cảng Sài Gòn- Nhân viên kế toán XN Kho vận
- Từ năm 1993 - 2005: Công tác tại Công ty Tân Cảng Sài Gòn- Trợ lý Tài Chính P. TC- Kế toán
- Từ năm 2005 - đến nay : Công tác tại Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Phó Trưởng phòng TC- KT

Chức vụ công tác hiện nay *(bao gồm Chức vụ đang nắm giữ ở các công ty khác)*:

- Phó trưởng phòng tài chính kế toán Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.
- Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 2.778 cổ phần, chiếm 0,019% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 2.778 cổ phần, chiếm 0,019% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan:

Chồng Trần Văn Hải : 2.394 cổ phần, chiếm 0,016%

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Ông NGUYỄN VĂN HOẠCH - Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : **NGUYỄN VĂN HOẠCH**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 09/03/1974

Nơi sinh : Bình Định

Số chứng minh nhân dân : 211462407 do Công an Bình Định cấp ngày 10/10/2006

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Bình Định

Địa chỉ thường trú : 401 Lô D Chung cư KCN Tân Bình, Tây Thạnh, Tân Phú, TP.HCM

Số điện thoại liên lạc : 0918011970

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính

Quá trình công tác:

- Từ năm 1998 - 2000: Công tác tại Công ty XD Miền Đông-Tổng Cty XD Số 1
- Từ năm 2000 - 2010 : Công tác tại Công ty Dịch vụ Công ích TNXP
- Từ năm 2010 - nay: Công tác tại Lực Lượng TNXP TP.HCM

Chức vụ công tác hiện nay *(bao gồm Chức vụ đang nắm giữ ở các công ty khác)*:

- Kế toán trưởng Lực Lượng TNXP
- Trưởng Ban Kiểm soát: Công ty CP Cao su TP.HCM, Công ty CP Nông nghiệp TNXP, Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích TNXP
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Cảng Cát Lái.

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Bà LÊ UYỂN NGỌC: Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : **LÊ UYỂN NGỌC**

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 17/12/1979

Nơi sinh : TPHCM

Số chứng minh nhân dân : 023303270 do Công an TPHCM cấp ngày 11/12/2010

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Cà Mau

Địa chỉ thường trú : 52 Bàu Cát 1 P.14 Q.Tân Bình

Số điện thoại liên lạc : 0908151563

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kế toán – Kiểm toán

Quá trình công tác:

- Từ năm 2003 – 2009: Công tác tại Công ty Đầu tư và Xây dựng TNXP
- Từ năm 2009 – nay: Công tác tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích TNXP

Chức vụ công tác hiện nay *(bao gồm Chức vụ đang nắm giữ ở các công ty khác)*:

- Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích TNXP
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan:

Chồng Quang Tường Thụy : 1.000 cổ phần, chiếm 0,007%

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

13. Tài sản

Tài sản của Công ty có thể chia làm 2 phần:

13.1 Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Cầu cảng B7 tọa lạc tại Cảng Cát Lái, đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, chiều dài 126m. Quy mô cụ thể: Cầu chính rộng 36m, cầu dẫn 15m, có khả năng tiếp nhận tầu có tải trọng đến 30.000 DWT

Giá trị đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: 98.533.071.415 đồng

Hệ thống kè bờ sau cầu tàu

- Giá trị đầu tư: 12.022.589.944

Hệ thống Bãi hàng container, đường thoát nước với diện tích 6,2ha, khả năng chứa hàng hóa (lưu kho, lưu bãi) kết hợp với hệ thống bãi hàng của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn thành chuỗi kho hàng container liên hoàn với đầy đủ các dịch vụ lưu kho, lưu bãi.

- Giá trị tài sản ước tính: 32.330.523.876 đồng.
- Hợp đồng thuê đất dài hạn với hình thức sử dụng đất: đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm.

Bến sà lan: Tọa lạc bên cạnh phía thượng lưu cầu cảng B7 của Công ty với quy mô dài 22m bao gồm 1 trụ cẩu, 2 trụ va và một trụ neo, chiều dài công tác 6,0 – 9,5m có khả năng tiếp nhập tàu có tải trọng 2.200 DWT.

- Giá trị đầu tư: 8.197.340.266 đồng

Hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống máy phát điện, trạm biến thế: Là công trình hạ tầng kỹ thuật cung cấp điện chiếu sáng cho cần cảng B7 và bãi container của Công ty cụ thể: 1 trạm điện MPA có công suất 3000 KVA, 2 máy phát điện dự phòng công suất 1.000 KVA; hệ thống chiếu sáng bãi gồm 3 trụ điện cao 30m.

- Giá trị đầu tư: 7.500.679.691 đồng

13.2 Hệ thống máy móc thiết bị

- 02 cẩu bờ container dạng khung chạy trên ray hiệu K.E
- 01 cẩu xoay hiệu Liebherr
- 04 cẩu khung 3+1 hiệu Mijack.

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2010:

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Máy móc thiết bị	179.023.236.165	21.171.539.410	157.851.696.755
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	298.653.143	284.444.810	14.208.333
3	Thiết bị, dụng cụ văn phòng	126.258.148	108.337.052	17.921.096
4	Tài sản cố định khác	158.789.579	27.910.599.987	130.878.979.051
Tổng		**338.237.726.495**	**49.474.921.259**	**288.762.805.236**

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng doanh thu	**143.086.400.000**	**157.580.040.000**	**165.491.542.000**	**174.115.369.100**	**184.666.137.555**
Doanh thu cung ứng dịch vụ cảng biển	133.786.400.000	147.165.040.000	154.523.292.000	162.249.456.600	170.361.929.430
Doanh thu xếp dỡ	9.300.000.000	9.765.000.000	10.253.250.000	10.765.912.500	11.304.208.125
Doanh thu tài chính	500.000.000	650.000.000	715.000.000	1.100.000.000	3.000.000.000
Doanh thu khác	0	0	0	0	0
Tổng chi phí	**85.531.727.860**	**85.568.423.523**	**80.913.136.713**	**73.450.350.032**	**71.484.099.164**
Giá vốn hàng bán	50.637.078.886	59.485.259.642	61.269.817.432	63.107.911.955	65.001.149.313
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.148.326.908	4.870.736.176	5.357.809.794	5.893.590.773	6.482.949.851
Chi phí tài chính	30.746.322.066	21.212.427.704	14.285.509.487	4.448.847.304	0
Trong đó chi phí lãi vay VND	13.835.657.895	13.664.847.304	12.184.847.304	4.448.847.304	0
chi phí lãi vay USD	6.786.678.171	3.398.256.400	671.338.183	0	0
chênh lệch tỷ giá	10.123.986.000	4.149.324.000	1.429.324.000	0	0
Lợi nhuận trước thuế	**58.054.672.140**	**72.011.616.477**	**84.578.405.287**	**100.665.019.068**	**113.182.038.391**
Thuế TNDN	5.805.467.214	7.201.161.648	8.457.840.529	20.133.003.814	22.636.407.678
Lợi nhuận sau thuế	**52.249.204.926**	**64.810.454.830**	**76.120.564.758**	**80.532.015.254**	**90.545.630.713**
Vốn chủ sở hữu bình quân	187.500.000.000	240.000.000.000	240.000.000.000	240.000.000.000	240.000.000.000

Tỷ suất sinh lời	27.87%	27.00%	31.72%	33.56%	37.73%
Cổ tức	37.500.000.000	48.000.000.000	55.200.000.000	55.200.000.000	55.200.000.000
Phân phối các quỹ (10% LNST)	5.224.920.493	6.481.045.483	7.612.056.476	8.053.201.525	9.054.563.071
Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận chưa phân phối	9.524.284.434	10.329.409.347	13.308.508.283	17.278.813.729	26.291.067.642

Nguồn: Công ty CP Cảng Cát Lái

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Số liệu kế hoạch trên được xây dựng trên cơ sở các hợp đồng mà Công ty đã ký, các dự báo về tiềm năng phát triển của nền kinh tế Việt Nam, xu hướng kinh tế thế giới nói chung và ngành dịch vụ giao nhận vận tải xếp dỡ tại cảng biển nói riêng trong thời gian sắp tới, định hướng phát triển của ngành cũng như mức độ cạnh tranh trong ngành; đồng thời có xem xét vị thế hiện tại của Công ty trong thời gian qua đối với lĩnh vực cung ứng dịch vụ cảng biển.

Cụ thể:

- Việc đầu tư thêm thiết bị xếp dỡ tại cầu tàu của Công ty, tăng năng suất giải phóng tàu qua cầu tàu B7, tăng hệ số sử dụng cầu tàu, đảm bảo doanh thu cung ứng từ dịch vụ cảng biển tại cầu tàu B7 có tốc độ tăng trưởng từ 7 – 10% trong năm 2012; các năm tiếp theo sẽ có tốc độ tăng trưởng tối thiểu 5%/năm (trong đó doanh thu từ hoạt động xếp dỡ container tại cầu tàu B7 tăng 10% mỗi năm).
- Hoạt động tại bãi hàng đã đi vào ổn định, với tốc độ tăng doanh thu từ 5 – 10% đặc biệt là hoạt động tại bến sà lan sẽ dự báo ngày càng phát triển và tốc độ tăng trưởng 20% sau khi cảng nước sâu Cảng Tân Cảng – Cái Mép đi vào hoạt động đồng bộ (bao gồm Cảng container giai đoạn 1 và giai đoạn 2) sẽ là trạm trung chuyển kết nối hàng hóa giữa Cảng Cát Lái và Cảng Tân Cảng – Cái Mép thông qua đường thủy đồng thời đảm nhận việc giao nhận hàng hóa giữa Cảng Cát Lái và các cụm cảng khu vực Miền Tây bằng đường thủy (do hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ từ khu vực TPHCM kết nối với khu vực các tỉnh miền Tây chưa đồng bộ và không đáp ứng ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa giữa 2 khu vực ngày càng tăng).

Nhằm đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên, Công ty đã nêu ra định hướng phát triển và các giải pháp thực hiện cụ thể như sau:

14.1 Định hướng phát triển

Về hoạt động sản xuất kinh doanh, giai đoạn 2011 – 2015 Công ty định hướng tập trung khai thác các lĩnh vực kinh doanh hiện tại bao gồm: Cung ứng dịch vụ cảng biển, dịch vụ xếp dỡ container tại bến sà lan, dịch vụ xếp dỡ tại bãi container và các dịch vụ có liên quan đến hoạt động của cảng tại khu vực Cảng Cát Lái

Ngoài ra Công ty sẽ triển khai mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ cảng biển sang khu vực Nhà Bè với việc đầu tư xây dựng cảng tổng hợp (bao gồm Cảng xăng dầu và Cảng tổng hợp), đầu tư liên kết với một số đối tác để kinh doanh bất động sản, kinh doanh lữ hành, cung cấp một hoặc toàn bộ chuỗi cung ứng của hoạt động logistics nhằm mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc mở rộng sản xuất kinh doanh ngoài hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là dịch vụ cảng biển nhằm đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, mặt khác Công ty mở rộng nhằm tiếp thu các tri thức quản lý của các lĩnh vực khác dưới dạng đầu tư, liên kết, đầu tư có chiều sâu trên cơ sở phân tích, nhận định đánh giá tình hình kinh doanh của các ngành lĩnh vực tại các thời điểm khác; mục đích tối đa hóa lợi ích cho Công ty và tăng giá trị thặng dư cho doanh nghiệp, phân tán mức độ rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về hoạt động đầu tư, nhằm bảo đảm thực hiện các kế hoạch kinh doanh trong giai đoạn trên, Công ty tiến hành đầu tư thêm các trang thiết bị xếp dỡ với công nghệ hiện đại, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực cảng biển ngày càng có sự canh tranh gay gắt; đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật toàn diện, đồng bộ có khả năng kết nối với hệ thống Cảng của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, cung cấp một chuỗi cung ứng logictics trọn gói (từ cung ứng xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi, thủ tục thông quan, vận chuyển) hoàn hảo, nhanh chóng, chính xác, gia tăng nhiều tiện ích của hệ thống Cảng nhằm đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu ngày càng phát triển, nhu cầu đa dạng của khách hàng.

14.2 Các giải pháp thực hiện

Để thực hiện các định hướng phát triển kinh doanh, Công ty hoạch định rõ các dự án đầu tư trong đó bao gồm nguồn vốn đầu tư để thực hiện dự án đầu tư và tổng hợp nguồn lực để triển khai dự án đầu tư.

Nguồn vốn đầu tư

Để bảo đảm nguồn vốn đầu tư được cung cấp đầy đủ và kịp thời, Công ty dự kiến sẽ đa dạng hình thức huy động vốn nhằm phân tán rủi ro cho Công ty, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao giá trị của doanh nghiệp và

- Phát hành cổ phiếu để huy động vốn (bao gồm cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược, thành viên HĐQT, BKS và người lao động công ty).
- Phát hành các loại trái phiếu đặc biệt là trái phiếu chuyển đổi.
- Huy động vốn từ cán bộ, người lao động trong Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của một số dự án cụ thể.
- Sử dụng vốn tín dụng hoặc các nguồn vốn khác đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án đầu tư của Công ty.

Nguồn lực tổng hợp

Tạo lập cơ sở vật chất, kỹ thuật hạ tầng hiện đại, thường xuyên quản lý bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, liên tục.

Đẩy mạnh công tác tiếp thị, thiết lập các mối quan hệ thân thiện với các đối tác, nghiêm cứu thị trường, đưa ra chiến lược kinh doanh hợp lý và có tính cạnh tranh cao.

Tăng cường bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực cảng biển và các lĩnh vực mới mà Công ty dự kiến mở rộng, nhằm tạo nên đội ngũ nhân sự chủ chốt có tài, trách nhiệm công việc, tâm huyết với Công ty và gắn bó lâu dài cho sự phát triển trong tương lai của Công ty đồng thời luôn đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, chính sách đãi ngộ thích hợp (lương, thưởng, các chế độ phúc lợi) bởi nhân lực là tài sản quý giá nhất, là động lực thúc đẩy Công ty phát triển một cách bền vững, lâu dài.

Thực hiện chặt chẽ, đồng bộ các giải pháp mang tính ứng dụng thực tiễn cao, loại bỏ các giải pháp lỗi thời, không phù hợp, nâng cao trách nhiệm, hiệu quả trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cao doanh thu, kiểm soát chi phí.

Thực hiện tốt quy chế quản lý tài chính, các hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản lý nguồn thu, chi chặt chẽ theo đúng nguyên tắc, chế độ, quy định pháp luật. Đa dạng hóa các nguồn vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trên cở sở phân tích đánh giá một cách khách quan, toàn diện tình hình thị trường vốn tại thời điểm cần huy động, đề ra hình thức huy động vốn tối ưu, vừa bảo đảm nguồn vốn kịp thời cho hoạt động kinh doanh đầu tư được liên tục, ổn định, hiệu quả cao, vừa bảo đảm không trở thành gánh nặng cho tài chính Công ty.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái cũng như những dự án Công ty dự định triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, tuy Công ty mới thành lập được 4 năm nhưng những nghiệp vụ hoạt động kinh doanh của Công ty là rất cần thiết cho lĩnh vực logicstic còn khá mới mẻ ở Việt Nam.

Việc tham gia sâu và rộng của kinh tế Việt Nam vào sân chơi kinh tế thế giới đã và đang mở ra cơ hội rất lớn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này, tuy nhiên cũng phải thừa nhận các doanh nghiệp trong ngành đang phải đối mặt với cạnh tranh gay gắt từ phía các Công ty nước ngoài, có uy tín trên thế giới. Mặc dù vậy, với lợi thế sân nhà, am hiểu văn hóa và tập quán địa phương, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái vẫn có những lợi thế riêng biệt. Với tốc độ phát triển nhanh và mạnh của ngành logicstic hiện nay (mục tiêu trong tương lai không xa ngành logicstic sẽ trở thành một ngành kinh tế quan trọng, đóng góp tới 15% GDP cả nước), chúng tôi tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty hoàn toàn có thể duy trì và tăng trưởng trong những năm tới với tốc độ từ 7%-10% (bằng và cao hơn một chút so với tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước).

Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong hai năm 2011-2015 là có tính khả thi và Công ty cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch hàng năm.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán nào cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá 10.000 đồng

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán 9.002.653 cổ phần (Chín triệu không trăm lẻ hai nghìn sáu trăm năm mươi ba cổ phần). Trong đó:

- Đối tượng 1: Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 7.498.674 cổ phần theo tỷ lệ 2:1.
- Đối tượng 2: Chào bán cho thành viên HĐQT, BKS, người lao động công ty (gọi chung là cán bộ, nhân viên công ty): 453.979 cổ phần.
- Đối tượng 3: Chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược: 1.050.000 cổ phần.

4. Giá chào bán dự kiến

- Đối tượng 1: Phát hành cho cổ đông hiện hữu với giá 11.500 đồng/cổ phần
- Đối tượng 2: Phát hành cho thành viên HĐQT, BKS, người lao động công ty (gọi chung là cán bộ, nhân viên công ty) của Công ty với giá 13.000 đồng/cổ phần.
- Đối tượng 3: Phát hành cổ phiếu theo hình thức phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược với giá 13.000 đồng/cổ phần.

5. Phương pháp tính giá

Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu, HĐQT – BKS - CBCNV và chào bán riêng lẻ đã được Đại Hội Cổ đông thường niên năm 2011 tổ chức ngày 10 tháng 6 năm 2011 xác định trên cơ sở như sau:

Giá trị sổ sách của Công ty lấy theo số liệu kế toán kết thúc ngày 31/12/2010 là

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần của Công ty}} = \frac{194.030.235.334}{14.997.347} = 12.938 \text{ đồng/CP}$$

Đối tượng 1: Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu căn cứ vào giá trị sổ sách chiết khấu đi 11,1% so với giá trị sổ sách của Công ty, sau khi làm tròn là 11.500 đồng/cổ phiếu.

Đối tượng 2&3: Giá chào bán cho thành viên HĐQT, BKS, người lao động công ty (gọi chung là cán bộ, nhân viên công ty) và cho đối tác chiến lược căn cứ vào giá trị sổ sách của công ty và được làm tròn lên là 13.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương thức phân phối

Đối tượng 1: Chào bán cho cổ đông hiện hữu phân phối tại trụ sở Công ty theo danh sách cổ đông tại ngày chốt, cổ đông chuyển tiền vào tài khoản phong toả và thực hiện thủ tục cấp chứng

chỉ sở hữu chứng khoán tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt đơn vị được uỷ quyền quản lý sổ cổ đông.

Đối tượng 2 : Chào bán cho thành viên HĐQT, BKS, người lao động công ty (gọi chung là cán bộ, nhân viên công ty) phân phối tại trụ sở Công ty theo danh sách do Hội đồng Quản trị phê duyệt. Cán bộ, nhân viên công ty đăng ký mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ tại trụ sở Công ty, chuyển tiền vào tài khoản phong toả và thực hiện thủ tục cấp chứng chỉ sở hữu chứng khoán tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt, đơn vị được uỷ quyền quản lý sổ cổ đông.

Đối tượng 3 : Chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược phân phối tại trụ sở Công ty theo danh sách do Hội đồng Quản trị phê duyệt. Cổ đông chiến lược đăng ký mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ tại trụ sở Công ty, chuyển tiền vào tài khoản phong toả và thực hiện thủ tục cấp chứng chỉ sở hữu chứng khoán tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt, đơn vị được uỷ quyền quản lý sổ cổ đông.

Đơn vị tư vấn phát hành:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt (AVS)

Trụ sở chính: 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp HCM

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Đợt phát hành sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày ngay sau khi nhận được giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

8. Kế hoạch đăng ký mua cổ phiếu và phương thức thực hiện quyền

Đối tượng 1: Phát hành cho cổ đông hiện hữu

Tỷ lệ phân phối: Phân phối theo tỷ lệ 2:1. Căn cứ vào ngày phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sở hữu 2 (hai) cổ phiếu thì được quyền mua thêm 01 (một) cổ phiếu phát hành thêm. Số cổ phần được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ đông hiện hữu có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước khi cổ phần mới chào bán thêm.

Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do không được đăng ký mua hết và số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do cổ đông sở hữu không chia hết cho 10 sẽ được Hội đồng quản trị Công ty phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn 11.500 VNĐ/cổ phần.

Các bước thực hiện phát hành của Đối tượng 1:

Bước 1: Xác định danh sách cổ đông được nhận quyền mua cổ phần phát hành

thêm

Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận Giấy chứng nhận chào bán của UBCKNN, Công ty sẽ làm thủ tục công bố thông tin và ra thông báo về ngày chốt danh sách cổ đông và phối hợp với công ty chứng khoán Âu Việt để xác định Danh sách cổ đông hiện hữu được nhận quyền ưu tiên mua cổ phần phát hành thêm (theo tỷ lệ 2:1). Ngày chốt danh sách cổ đông tối thiểu là 7 ngày làm việc sau ngày có thông báo Ngày chốt danh sách cổ đông.

Bước 2: Chuyển nhượng quyền mua cổ phần

Trong thời gian 01 ngày làm việc sau ngày chốt danh sách cổ đông. Thông báo chốt sẽ được chuyển bằng thư bảo đảm đến địa chỉ của cổ đông (Thời gian dự kiến cổ đông nhận được thông báo là 05 - 07 ngày làm việc).

Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày chốt danh sách cổ đông, các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách được phép thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua cho người khác nếu có nhu cầu. Thời gian để cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua là 06 ngày kể từ ngày được phép chuyển nhượng. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và thực hiện thủ tục tại Bộ phận quản lý sổ cổ đông, Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt (các quyền chỉ được chuyển nhượng một lần)

Bước 3:Thực hiện quyền mua cổ phiếu và nộp tiền

Sau thời hạn 12 ngày kể từ ngày chốt danh sách, Các cổ đông có tên trong danh sách sẽ thực hiện đăng ký mua tại trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt (Đơn vị quản lý sổ cổ đông) đồng thời nộp tiền mua cổ phần theo mức giá quy định vào tài khoản phong toả của Công ty mở tại ngân hàng.Thời gian để cổ đông thực hiện quyền mua cổ phần và nộp tiền là 25 ngày.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt

Bước 4: Xử lý cổ phần không phân phối hết

Trong vòng 01 ngày làm việc sau khi kết thúc thời gian đăng ký mua và nộp tiền dành cho cổ đông hiện hữu, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ tổng hợp danh sách cổ đông đã mua cổ phần của đợt phát hành. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký mua theo phương án phân phối 01 ngày làm việc Hội đồng quản trị sẽ tiến hành phân phối số

cổ phần cổ đông hiện hữu từ chối mua cho các đối tượng khác theo sự uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông, việc xử lý cổ phần không phân phối hết được thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc.

Bước 5: Tổng kết phát hành

Sau khi hết hạn của việc xử lý cổ cổ phiếu không phân phối hết. Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ gửi Báo cáo phát hành cho UBCKNN và thực hiện thủ tục Công bố thông tin về kết quả đợt phát hành. Sau khi nhận được chấp thuận kết quả phát hành, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký và thực hiện cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông trong vòng 3 ngày làm việc.

Lịch trình phát hành cổ phiếu cho Đối tượng 1

STT	Công việc	Thời gian (ngày)
1	Nhận giấy chứng nhận đăng ký chào bán	T
2	Công bố Bản thông báo phát hành trên báo. Công bố thông tin về ngày chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu	T+3
3	Ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu	T+13
4	Gửi thông báo về quyền mua cho cổ đông hiện hữu	T+14
5	Cổ đông hiện hữu chuyển nhượng quyền mua	T+18
6	Cổ đông hiện hữu đăng ký và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong toả (theo quy định tối thiểu 20 ngày)	T+25
7	Xử lý số cổ phiếu không bán hết (nếu có)	T+50
8	Báo cáo kết quả phát hành và Công bố thông tin	T+60

(Ghi chú: Lịch trình trên được tính theo ngày làm việc)

Đối tượng 2: Phát hành cho thành viên HĐQT, BKS, người lao động công ty (gọi chung là cán bộ, nhân viên công ty) căn cứ theo danh sách do Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

Sau khi nhận được Giấy phép phát hành của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cảng Cát Lái sẽ lập Danh sách Thành viên Hội Đồng quản trị, Ban kiểm soát, người lao động công ty (gọi chung là cán bộ, nhân viên công ty) được quyền mua cổ phần và số lượng cổ phần được quyền mua. Mỗi cá nhân có tên trong danh sách được quyền mua cổ phần không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần này. Việc hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu chào bán cho cán bộ, nhân viên công ty thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán tại thời điểm nhận được giấy chứng nhận chào bán chứng khoán do UBCKNN cấp.

Số cổ phần không được bán hết sẽ được Hội đồng quản trị phân phối tiếp cho các các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán cho Thành viên Hội Đồng quản trị, Ban kiểm soát, người lao động công ty.

Các bước thực hiện phát hành của Đối tượng 2:

Bước 1: Nhận giấy chứng nhận chào bán chứng khoán

Sau khi nhận Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán, Công ty sẽ chuẩn bị nội dung thông báo về quyền mua cổ phần để gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, người lao động công ty (gọi chung là cán bộ, nhân viên) theo danh sách đã được phê duyệt.

Bước 2: Đăng ký mua và phân bổ cổ phần

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị Ban kiểm soát và người lao động Công ty số cổ phần mà các cá nhân này được phê duyệt quyền mua, các thành viên có tên trong danh sách đăng ký mua cổ phần theo danh sách và số lượng cổ phần đã được HĐQT phê duyệt . Thời gian đăng ký mua và nộp tiền dự kiến trong vòng 20- 25 ngày.

Bước 3: Xử lý cổ phần không phân phối hết

Trong vòng 01 ngày làm việc sau khi kết thúc thời gian đăng ký mua và nộp tiền dành cho *cán bộ công nhân viên*, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ tổng hợp danh sách cổ đông đã mua cổ phần của đợt phát hành. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký mua theo phương án phân phối 01 ngày làm việc Hội đồng quản trị sẽ tiến hành

phân phối số cổ phần *cán bộ công nhân viên* từ chối mua cho các đối tượng khác theo sự uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông, việc xử lý cổ phần không phân phối hết được thực hiện trong vòng 13 ngày làm việc .

Bước 4 : Tổng kết đợt phát hành và Công bố thông tin

Kết thúc việc phân phối cổ phần, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ gửi báo cáo phát hành cho UBCKNN và thực hiện nghĩa vụ Công bố thông tin. Sau khi nhận được chấp thuận kết quả phát hành, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký và thực hiện cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần trong vòng 3 ngày làm việc.

Lịch trình phát hành cổ phiếu cho Đối tượng 2

STT	Công việc	Thời gian (ngày)
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán chứng khoán	T
2	Gửi thông báo cho CBCNV về quyền mua cổ phần theo danh sách đã được HĐQT phê duyệt và đăng ký với UBCKNN.	T +7
3	CBCNV đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	T+ 25
4	Phân phối số cổ phần CBCNV từ chối mua.	T+ 45
5	Tổng hợp danh sách CBCNV mua cổ phần	T+ 58
6	Gửi báo cáo phát hành cho UBCKNN	T+60

Đối tượng 3: Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược

Tiêu chuẩn xác định đối tác chiến lược như sau:

- Các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp.
- Hỗ trợ Công ty phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Gắn bó lâu dài với Công ty.

- Danh sách đối tác chiến lược và số lượng cổ phần dự kiến chào bán cho các đối tác chiến lược cụ thể như sau:

STT	Tên nhà đầu tư chiến lược (dự kiến)	Số lượng cổ phần chào bán

1.	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	535.300
2.	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ công ích TNXP TPHCM	514.700
Tổng		**1.050.000**

Nếu tổng số lượng cổ phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu phát hành thì sẽ phân bổ đều cho tất cả nhà đầu tư chiến lược theo tỷ lệ đăng ký. Số cổ phần nhà đầu tư chiến lược mua sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm, kể từ ngày Công ty kết thúc đợt chào bán riêng lẻ.

Số cổ phần không được bán hết sẽ được Hội đồng quản trị phân phối tiếp cho các các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán cho nhà đầu tư chiến lược.

Các bước thực hiện phát hành của Đối tượng 3:

Bước 1: Nhận giấy chứng nhận chào bán và thông báo cho nhà đầu tư

Sau khi nhận được Giấy phép phát hành của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp, Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung thông báo và gửi thông báo cho từng nhà đầu tư chiến lược theo danh sách đã được phê duyệt. Việc gửi thông báo chào bán cho nhà đầu tư sẽ được thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc.

Bước 2 : Nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua và nộp tiền

Sau 10 ngày kể từ ngày gởi thông báo chào bán đến nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chiến lược sẽ đăng ký mua và nộp tiền vào tài khoản phong toản tương ứng với mức giá chào bán và số lượng cổ phiếu được mua. Thời hạn nộp tiền trong vòng 20 ngày làm việc.

Công ty cổ phần cảng Cát Lái sẽ tổng hợp danh sách và tiến hành phân phối cổ phiếu cho các nhà đầu tư chiến lược.

Bước 3: *Xử lý cổ phần không phân phối hết*

Trong vòng 01 ngày làm việc sau khi kết thúc thời gian đăng ký mua và nộp tiền dành cho *Nhà đầu tư chiến lược*, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ tổng hợp danh sách *Nhà đầu tư chiến lược* đã mua cổ phần của đợt phát hành. Sau khi kết thúc thời giạn đăng ký mua theo phương án phân phối 01 ngày làm việc Hội đồng quản trị sẽ tiến hành phân phối số cổ phần *Nhà đầu tư chiến lược khác* theo tiêu chí của

đợt phát hành theo sự uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông, việc xử lý cổ phần không phân phối hết được thực hiện trong vòng 8 ngày làm việc .

Bước4: Tổng kết đợt phát hành và Công bố thông tin

Kết thúc việc phân phối cổ phiếu, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ gửi báo cáo phát hành cho UBCKNN. Sau khi nhận được chấp thuận kết quả phát hành, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký và thực hiện cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần trong vòng 3 ngày làm việc.

Lịch trình phát hành cổ phiếu cho Đối tượng 3

STT	Công việc	Thời gian (ngày)
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán	T
2	Gửi thông báo cho nhà đầu tư chiến lược (theo danh sách đã được HĐQT phê duyệt)	T+10
3	Nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua và nộp tiền	T+ 25
4	Phân phối số cổ phần nhà đầu tư từ chối mua	T+ 50
5	Tổng hợp danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu phát hành	T+ 58
6	Gửi báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN và công bố thông tin	T+60

(Ghi chú: Lịch trình trên được tính theo ngày làm việc)

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tổ chức, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái theo đúng quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, cụ thể nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của công ty cổ phần đại chúng theo quy định của quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài. Hiện tại tỷ lệ nắm giữ cổ phần công ty của nhà đầu tư nước ngoài là 0 %.

10. Các loại thuế có liên quan

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Theo quy định tại điểm 2b Mục IV phần E và điểm 1, Mục V phần E Thông tư số 134/2007/TT-BTC hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp và Công văn 2243/CT – TTHT ngày 30/03/2011 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư Cảng cổ phần Cát Lái thì Công ty được được hưởng thuế suất ưu đãi 20% trong thời gian 10 năm, miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

Năm 2009 là năm tài chính đầu tiên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

11. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Cổ đông hiện hữu; nhà đầu tư chiến lược; thành viên HĐQT, thành viên BKS, người lao động trong công ty (gọi chung là cán bộ, nhân viên công ty) nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong toả sau :

Tên tài khoản: Công ty cổ phần Cảng Cát Lái

Số tài khoản 1515100070007

Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú TPHCM

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Từ đợt chào bán này, Công ty sử dụng số tiền thu được nhằm:

- Đầu tư 01 cẩu bờ container dạng khung chạy trên ray

Chi tiết các dự án như sau:

Phần thu được từ đợt chào bán sử dụng để đầu tư 01 cẩu bờ container dạng khung chạy trên ray với số tiền đầu tư là 2,663,903 EUR và 837,124 USD (tương đương khoảng 105 tỷ đồng).

1. Mục tiêu

Cùng với 2 cẩu bờ container dạng khung chạy trên ray hiệu K.E, việc đầu tư mới 01 cẩu bờ container dạng khung chạy trên ray tạo thành hệ thống thiết bị cẩu bờ hiện đại, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu xếp dỡ xuất nhập tàu tại cầu tàu B7 ngày càng tăng, nâng cao hiệu quả sử dụng cẩu đồng thời nâng cao hiệu quả hệ số sử dụng cầu tàu (về khả năng tiếp nhận tàu và giải phóng tàu nhanh).

2. Mô tả

Cẩu bờ container được thiết kế và bố trí tối ưu nhất, tiết kiệm nhất cho mục đích xếp dỡ container và hàng tổng hợp cho các loại tàu Pananmax, có khả năng xếp dỡ hàng từ tàu có sức chứa tiêu chuẩn lên đến 13 hàng container. Ngoài chức năng chuyên xếp dỡ container, cẩu có khả năng xếp dỡ hàng bằng gàu ngoạm và bằng móc.

Khoảng trống dưới các dầm ngang của khung cẩu không giới hạn hoạt động của các loại xe tải, xe rờ mooc, xe container đang làm việc chung vời cẩu hoặc với các cẩu bờ khác đang hoạt động chung gần bên trên 1 cầu tàu.

Cẩu bờ container dạng khung chạy trên ray được trang bị hệ thống nhà tời nâng chính, xe tời con (tời nâng hàng và tời nâng cần), trong lượng của cẩu bao gồm cả khung chup là 550 tấn.

Cẩu bờ có các thông số kỹ thuật như sau :

- Sức nâng
  - Tải trọng dưới khung chung lớn nhất 40T
  - Tải trọng dưới dầm móc lớn nhất 50T
- Tầm với
  - Tầm với phía trước tính từ tâm ray phía nước (WS) tối đa: 35 m
  - Tầm với phía sau tính từ tâm ray phía bờ (LS): tối đa 16m
- Độ cao nâng:
  - Độ cao nâng tối đa tính từ ray phía nước đến đáy khung chụp: 27 m
  - Độ sâu ray tối đa tính từ ray phía nước đến đáy khung chụp: 12 m
- Các kích thước giàn cẩu:
  - Khẩu độ ray: 18m
  - Độ cao/khoản trống dưới dầm ngang: 13,5m
  - Khoản cách giữa các chân: 17m
  - Chiều dài cẩu tính từ đầu 2 bộ giảm xóc chưa nén: Khoảng 25,2m
  - Độ cao tối đa của cẩu khi vận hành: Khoảng 47,2m

- Độ cao tối đa của cẩu khi xếp cẩu ở trạng thái nghỉ: Khoảng 71,2m

- Tốc độ hoạt động của cẩu:
  - Tốc độ nâng tải 40T dưới khung chụp: 50m/phút
  - Tốc độ nâng hạ khung chụp không tải: 120m/phút
  - Tốc độ di chuyển xe tời con: 150m/phút
  - Tốc độ di chuyển cần cẩu: 46m/phút
  - Thời gian nâng/hạ cần (mỗi hướng): 5 phút/lần

Cẩu bờ hoạt động trên ray, sử dụng nguồn điện bờ và hoạt động trong các trong các điều kiện khí hậu: với nhiết độ từ 0 đến 40C, độ ẩm lên đến 100%, tốc độ gió tối đa lên đến 25m/giây (350N/mm2), và khi cẩu không vận hành có thể chịu được tốc độ gió tối đa 45,6m/giây (1300N/mm2). Điều kiện khí hậu trên phù hợp với điều kiện làm việc tại Cảng cổ phần Cảng Cát Lái (cầu tàu B7).

3. Tính pháp lý

Hợp đồng số 01/CATLAIPORT/KK/2011 ngày 26/01/2011 về việc mua sắm 01 (một) cẩu bờ container dạng khung chạy trên ray loại FEEDER SERVER.

4. Nhu cầu sử dụng vốn

- Tổng vốn cho đầu tư cẩu: 2,663,903 EUR và 837,124 USD (*)
- Tổng vốn cho đầu tư cẩu quy đổi bằng đồng Việt Nam: 105.786.478.000 đồng
- Tổng nhu cầu sử dụng vốn huy động: 105.786.478.000 đồng
- Tổng vốn đầu tư trên bao gồm giá của hàng hóa và chi phí dỡ hàng, xếp dỡ, kiểm đếm hàng, kiểm tra, thử tải, lắp dựng, chuyên gia, nghiệm thu, hướng dẫn huấn luyện, chuyển giao công nghệ, chấp nhận và bàn giao đưa vào sử dụng.
- Chi phí trên không bao gồm:
  - Việc di chuyển cẩu từ điểm lắp dựng đến vị trí cuối cùng
  - Bất kỳ dụng cụ đặc biệt và dịch vụ dự phòng sau khi bàn giao
  - Bất kỳ chi phí liên quan đến thuế, hải quan, được thu trên lãnh thổ Việt Nam

Tổng vốn đầu tư được quy đổi được tính trên cơ sở giá của (*) và các chi phí phát sinh liên quan đến đưa cẩu vào khai thác, sử dụng (được tính dự kiến 10% trên tổng vốn đầu tư cẩu).

5. Hiệu quả

Với các thông số kỹ thuật và công suất nâng hạ của cẩu bờ container kết hợp đồng bộ với cẩu bờ hiệu K.E đang hoạt động tại cầu tàu B7, tăng giá trị cơ sở hạ tầng và thiết bị của cầu cảng B7, bảo đảm tình trạng kỹ thuật các thiết bị xếp dỡ tại cầu tàu B7 tốt, hoạt động ổn định, giảm thiểu thời gian chờ của các hãng tàu khi cập mạn tại B7, tăng hệ số sử dụng cầu tàu (tăng năng suất giải phóng tàu tại cầu tàu B7), qua đó doanh thu cung ứng từ dịch vụ cảng biển tại cầu tàu B7 có tốc độ tăng trưởng từ 7 – 10% trong năm 2012; các năm tiếp theo sẽ có tốc độ tăng trưởng tối thiểu 5%/năm (trong đó doanh thu từ hoạt động xếp dỡ container tại cầu tàu B7 tăng 10% mỗi năm).

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành là 105.786.478.000 đồng, cụ thể như sau:

STT	Đối tượng phát hành	Giá trị phát hành dự kiến (đồng)	Số lượng (cp)	Thành tiền (đồng)
1	Cổ đông hiện hữu	11.500	7.498.674	86.234.751.000
2	Cổ đông chiến lược	13.000	1.050.000	13.650.000.000
3	HĐQT, BKS, cán bộ nhân viên Công ty	13.000	453.979	5.901.727.000
Tổng cộng			**9.002.653**	**105.786.478.000**

Số tiền trên sẽ được sử dụng cho đầu tư Đầu tư 01 cẩu bờ container dạng khung chạy trên ray 2.663.903 EUR và 837.124 USD tương đương 105.786.478.000 VND (Một trăm lẻ năm triệu bảy trăm tám mươi sáu ngày bốn trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

Kế hoạch chi tiết sử dụng vốn

Trên cơ sở thời gian giao hàng, và thời gian lắp dựng, điều khoản thanh toán theo Hợp đồng số 01/CATLAIPORT/KK/2011 về cung cấp cẩu bờ container dạng khung chạy trên ray ký kết ngày 26 tháng 01 năm 2011, số vốn thu tiền từ đợt phát hành sẽ được giải ngân theo tiến độ thanh toán như sau:

STT	Hạng mục sử dụng vốn	Thời gian dự kiến giải ngân (*)	Số tiền dự kiến giải ngân
1.	Thanh toán 70 % giá trị Hợp đồng (bao gồm cả 20% giá trị Hợp đồng đã ứng trước)	9/2011	1,864,732 EUR (tương đương 59.138.646.000 VND) và 585,987 USD (tương đương 12.724.284.800 VND)
2.	Thanh toán 25% giá trị Hợp đồng sau khi nhận bàn giao cẩu đưa vào sử dụng	2/2012	665,976 EUR (tương đương 22.976.163.375 VND) và 209,281 USD (tương đương 5.022.744.000 VND)
3.	Thanh toán 5% giá trị Hợp đồng sau khi kết thúc nghĩa vụ bảo hành cẩu của bên bán	2/2013	113,195 EUR (tương đương 4.795.025.400 VND) và 41,856 USD (tương đương 1.129.613.825 VND)
Tổng cộng			2,663,903 EUR (tương đương 86.909.835.375 VND) và 837,124 USD (tương đương 18.876.642.625 VND)
Quy đổi thành đồng Việt Nam			**105.786.478.000 VND**

(*): Thời gian dự kiến giải ngân phụ thuộc vào tiến độ cung cấp hàng hóa, thời gian lắp đặt, chạy thử và bàn giao cẩu của đơn vị cung cấp.

(**): Số tiền giải ngân quy đổi bằng đồng VND được xác định trên cơ sở tỷ giá VND/EUR và VND/USD do ngân hàng mở L/C công bố tại thời điểm thanh toán cẩu.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, TPHCM

Điện thoại: (08) 374 23499 Fax: (08) 374 23500

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3827 2295 Fax: (08) 3827 2300

Website: www.auditconsult.com.vn

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Savimex, 194 Nguyễn Công Trứ
P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM.

Điện thoại: (84.8) 3821 6789 Fax: (84.8) 3821 3399

Website: www.avsc.com.vn

IX. PHỤ LỤC

01	Phụ lục I	Giấy đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng
02	Phụ lục II	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký Kinh Doanh
03	Phụ lục III	Bản sao Biên bản họp của ĐHCĐ thường niên năm 2011
04	Phụ lục IV	Bảo sao Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2011
05	Phụ lục V	Sơ yếu lí lịch của HĐQT, Ban giám đốc, BKS, , KTT, Người được uỷ quyền công bố thông tin
06	Phụ lục VI	Uỷ quyền công bố thông tin
07	Phụ lục VII	Bản sao báo cáo Tài chính năm 2009 có kiểm toán và Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn (A&C)
08	Phụ lục VIII	Bản sao báo cáo Tài chính năm 2010 có kiểm toán
09	Phụ lục IX	Bản sao báo cáo Tài chính Quý I năm 2011 và Bản sao báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2011.
10	Phụ lục X	Bản sao Điều lệ công ty
11	Phụ lục XI	Hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng với công ty chứng khoán
12	Phụ lục XII	Ý kiến thẩm định chuyên môn
13	Phụ lục XIII	Kế hoạch chi tiết sử dụng vốn
14	Phụ lục XIV	Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triển khai nộp hồ sơ và phê duyệt phương án sử dụng vốn
15	Phụ lục XV	Nghị quyết của HĐQT thông qua danh sách nhà đầu tư chiến lược
16	Phụ lục XVI	Nghị quyết của HĐQT thông qua danh sách cán bộ, nhân viên công ty được quyền mua cổ phiếu
17	Phụ lục XVII	Nghị quyết của HĐQT phê duyệt Hồ sơ phát hành
18	Phụ lục XVIII	Công văn số 20/CV – CCL của Công ty xin gia hạn thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên 2011gửi UBCK và Sở Kế hoạch đầu tư TP HCM; Công văn ghi nhận số 01835/ĐKKD –TH ngày 11/5/2011 của Sở Sở Kế hoạch đầu tư TP HCM.
19	Phụ lục XVIII	Bản sao Hợp đồng số 01/CATLAIPORT/KK/2011 và tài liệu kỹ thuật

TPHCM, ngày tháng năm 2011

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	GIÁM ĐỐC
LÊ TẤN HÙNG	NGUYỄN VĂN QUÂN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	KẾ TOÁN TRƯỞNG
VŨ THỊ LAN ANH	NGÔ PHẠM VIỆT TUẤN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT (AVS)

CHỦ TỊCH HĐQT

ĐOÀN ĐỨC VỊNH